

**PHỤ LỤC 4**

**Danh mục các mã bệnh có trong danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4469/QĐ-BYT ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế  
không còn trong danh mục mã bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BYT**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

TT	STT CHƯƠ NG	MÃ CHƯƠ NG	CHAPTER NAME	TÊN CHƯƠ NG	MÃ NHÓM CHÍNH	MAIN GROUP NAME I	TÊN NHÓM CHÍNH	MÃ NHÓM PHỤ 1	SUB GROUP NAME I	TÊN NHÓM PHỤ 1	MÃ LOẠI	TYPE NAME	TÊN LOẠI	MÃ BỆNH	MÃ BỆNH KHÔNG DẤU	DISEASE NAME	TÊN BỆNH	NGÀY CẬP NHẬT	GHI CHÚ	Thông tin thêm	Tài liệu cập nhật
1	I	A00-B99	Certain infectious and parasitic diseases	Bệnh nhiễm trùng và ký sinh trùng	A00-A09	Intestinal infectious diseases	Bệnh nhiễm trùng đường ruột				A02	Other salmonella infections	Nhiễm salmonella khác	A02.2†	A022	Localized salmonella infections	Nhiễm trùng Salmonella khu trú	20/10/2020 11:38:34	Hủy do WHO không có mã này	Hủy do WHO không có mã này có dấu găm	WHO bỏ dấu găm của mã này theo tài liệu cập nhật tháng 10/2013, hiệu lực từ tháng 1/2003
2	I	A00-B99	Certain infectious and parasitic diseases	Bệnh nhiễm trùng và ký sinh trùng	A00-A09	Intestinal infectious diseases	Bệnh nhiễm trùng đường ruột				A06	Amoebiasis	Bệnh do amíp	A06.4	A064	Amoebic liver abscess	Áp xe gan do amíp	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		WHO bổ sung dấu găm vào mã này theo tài liệu cập nhật của WHO icd10updates2014volume1.pdf tháng 10/2014, hiệu lực từ tháng 1/2016

3	I	A00-B99	Certain infectious and parasitic diseases	Bệnh nhiễm trùng và ký sinh trùng	A00-A09	Intestinal infectious diseases	Bệnh nhiễm trùng đường ruột				A06	Amoebiasis	Bệnh do amíp	A06.8†	A068	Amoebic infection of other sites	Nhiễm amíp ở vị trí khác	20/10/2020 11:38:34	Hủy do WHO không có mã này	Hủy do WHO không có mã này có dấu găm	
4	I	A00-B99	Certain infectious and parasitic diseases	Bệnh nhiễm trùng và ký sinh trùng	A15-A19	Tuberculosis	Bệnh lao				A17	Tuberculosis of nervous system	Lao hệ thần kinh	A17	A17	Tuberculosis of nervous system	Lao hệ thần kinh		<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		
5	I	A00-B99	Certain infectious and parasitic diseases	Bệnh nhiễm trùng và ký sinh trùng	A15-A19	Tuberculosis	Bệnh lao				A18	Tuberculosis of other organs	Lao các cơ quan khác	A18.1	A181	Tuberculosis of genitourinary system	Lao hệ tiết niệu sinh dục	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		
6	I	A00-B99	Certain infectious and parasitic diseases	Bệnh nhiễm trùng và ký sinh trùng	A90-A99	Arthropod-borne viral fevers and viral haemorrhagic fevers	Sốt virus và sốt xuất huyết virus do tiết túc truyền				A90	Dengue fever (classical Dengue)	Sốt Dengue (Dengue cổ điển)	A90	A90	Dengue fever (classical Dengue)	Sốt Dengue (Dengue cổ điển)		<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		official-who-updates-combined-1996-2013-volume-1.pdf Ngày chấp thuận 10/2013, ngày hiệu lực 01/2016

7	I	A00-B99	Certain infectious and parasitic diseases	Bệnh nhiễm trùng và ký sinh trùng	B00-B09	Viral infections characterized by skin and mucous membrane lesions	Nhiễm virus có đặc điểm tổn thương tại da và niêm mạc				B08	Other viral infections characterized by skin and mucous membrane lesions, not elsewhere classified	Nhiễm virus khác, có biểu hiện tổn thương tại da và niêm mạc, chưa phân loại	B08.1†	B081	Molluscum contagiosum	U mềm lây	20/10/2020 11:38:34	Hủy do WHO không có mã này		
8	I	A00-B99	Certain infectious and parasitic diseases	Bệnh nhiễm trùng và ký sinh trùng	B50-B64	Protozoal diseases	Bệnh do ký sinh trùng đơn bào				B59	Pneumocytosis	Bệnh do pneumocystosis	B59	B59	Pneumocytosis	Bệnh do pneumocystosis		Hủy do WHO không có mã này		WHO bỏ từ năm 2016 theo tài liệu được ban hành tháng 10/2016, hiệu lực từ tháng 1/2019 VOLUME_1_-_Tabular_List_2016.doc

9	I	A00-B99	Certain infectious and parasitic diseases	Bệnh nhiễm trùng và ký sinh trùng	B50-B64	Protozoal diseases	Bệnh do ký sinh trùng đơn bào				B59	Pneumocytosis	Bệnh do pneumocystosis	B59†	B59	Pneumocytosis (J17.3*)	Bệnh do pneumocystosis (J17.3*)	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		WHO bỏ từ năm 2016 theo tài liệu được ban hành tháng 10/2016, hiệu lực từ tháng 1/2019 VOLUME_1_-_Tabular_List_2016.doc
10	II	C00-D48	Neoplasms	U tân sinh	C00-C97	Neoplasms	U ác tính	C81-C96	Malignant neoplasms, stated or presumed to be primary, of lymphoid, haematopoietic and related tissue	U ác của hệ lympho, hệ tạo máu và các mô liên quan	C83	Diffuse non-Hodgkin's lymphoma	U Lympho dạng không phải nang	C83.2	C832	Non-Hodgkin's lymphoma: Mixed small and large cell (diffuse)	U lympho không Hodgkin hỗn hợp tế bào nhỏ-tế bào lớn (toả rộng)	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		official-who-updates-combined-1996-2012-volume-1.pdf Ngày chấp thuận 10/2008, ngày hiệu lực 01/2010

11	II	C00-D48	Neoplasms	U tân sinh	C00-C97	Neoplasms	U ác tính	C81-C96	Malignant neoplasms, stated or presumed to be primary, of lymphoid, haematopoietic and related tissue	U ác của hệ lympho, hệ tạo máu và các mô liên quan	C83	Diffuse non-Hodgkin s lymphoma	U Lympho dạng không phải nang	C83.4	C834	Non-Hodgkin s lymphoma : Immunoblastic (diffuse)	U lympho không Hodgkin nguyên bào miễn dịch (toả rộng)	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		official-who-updates-combined-1996-2012-volume-1.pdf Ngày chấp thuận 10/2008, ngày hiệu lực 01/2010
12	II	C00-D48	Neoplasms	U tân sinh	C00-C97	Neoplasms	U ác tính	C81-C96	Malignant neoplasms, stated or presumed to be primary, of lymphoid, haematopoietic and related tissue	U ác của hệ lympho, hệ tạo máu và các mô liên quan	C83	Diffuse non-Hodgkin s lymphoma	U Lympho dạng không phải nang	C83.6	C836	Non-Hodgkin s lymphoma : Undifferentiated (diffuse)	U lympho không Hodgkin không biệt hóa tỏa rộng	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		official-who-updates-combined-1996-2012-volume-1.pdf Ngày chấp thuận 10/2008, ngày hiệu lực 01/2010

13	II	C00-D48	Neoplasms	U tân sinh	C00-C97	Neoplasms	U ác tính	C81-C96	Malignant neoplasms, stated or presumed to be primary, of lymphoid, haematopoietic and related tissue	U ác của hệ lympho, hệ tạo máu và các mô liên quan	C84	Peripheral and cutaneous T-cell lymphomas	Các loại U lympho tế bào T/NK trưởng thành	C84.2	C842	T-zone lymphoma	U lympho vùng T	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		official-who-updates-combined-1996-2012-volume-1.pdf Ngày chấp thuận 10/2008, ngày hiệu lực 01/2010
14	II	C00-D48	Neoplasms	U tân sinh	C00-C97	Neoplasms	U ác tính	C81-C96	Malignant neoplasms, stated or presumed to be primary, of lymphoid, haematopoietic and related tissue	U ác của hệ lympho, hệ tạo máu và các mô liên quan	C84	Peripheral and cutaneous T-cell lymphomas	Các loại U lympho tế bào T/NK trưởng thành	C84.3	C843	Lymphoepithelioid lymphoma	U lympho loại u lympho-biểu mô	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		official-who-updates-combined-1996-2012-volume-1.pdf Ngày chấp thuận 10/2008, ngày hiệu lực 01/2010

15	II	C00-D48	Neoplasms	U tân sinh	C00-C97	Neoplasms	U ác tính	C81-C96	Malignant neoplasms, stated or presumed to be primary, of lymphoid, haematopoietic and related tissue	U ác của hệ lympho, hệ tạo máu và các mô liên quan	C85	Other and unspecified types of non-Hodgkin's lymphoma	U lympho không Hodgkin, loại khác và không xác định	C85.0	C850	Lymphosarcoma	U lymphosarcom	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do WHO không có mã này</b>	Hủy mã	official-who-updates-combined-1996-2012-volume-1.pdf Ngày chấp thuận 10/2008, ngày hiệu lực 01/2010
16	II	C00-D48	Neoplasms	U tân sinh	C00-C97	Neoplasms	U ác tính	C81-C96	Malignant neoplasms, stated or presumed to be primary, of lymphoid, haematopoietic and related tissue	U ác của hệ lympho, hệ tạo máu và các mô liên quan	C88	Malignant immunoproliferative diseases	Bệnh tăng sinh miễn dịch ác tính	C88.1	C881	Alpha heavy chain disease	Bệnh chuỗi alpha nặng	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		official-who-updates-combined-1996-2012-volume-1.pdf Ngày chấp thuận 10/2008, ngày hiệu lực 01/2010

17	II	C00-D48	Neoplasms	U tân sinh	C00-C97	Neoplasms	U ác tính	C81-C96	Malignant neoplasms, stated or presumed to be primary, of lymphoid, haematopoietic and related tissue	U ác của hệ lympho, hệ tạo máu và các mô liên quan	C91	Lymphoid leukaemia	Bệnh bạch cầu dạng lympho	C91.2	C912	Subacute lymphocytic leukaemia	Bệnh bạch cầu dạng lympho bán cấp	20/10/2020 11:38:34	Hủy do WHO không có mã này	official-who-updates-combined-1996-2012-volume-1.pdf Ngày chấp thuận 10/2008, ngày hiệu lực 01/2010
18	II	C00-D48	Neoplasms	U tân sinh	C00-C97	Neoplasms	U ác tính	C81-C96	Malignant neoplasms, stated or presumed to be primary, of lymphoid, haematopoietic and related tissue	U ác của hệ lympho, hệ tạo máu và các mô liên quan	C93	Monocytic leukaemia	Bệnh bạch cầu đơn nhân	C93.2	C932	Subacute monocytic leukaemia	Bệnh bạch cầu đơn nhân bán cấp	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do WHO không có mã này</b>	official-who-updates-combined-1996-2012-volume-1.pdf Ngày chấp thuận 10/2008, ngày hiệu lực 01/2010

19	II	C00-D48	Neoplasms	U tân sinh	C00-C97	Neoplasms	U ác tính	C81-C96	Malignant neoplasms, stated or presumed to be primary, of lymphoid, haematopoietic and related tissue	U ác của hệ lympho, hệ tạo máu và các mô liên quan	C94	Other leukaemias of specified cell type	Bệnh bạch cầu khác có loại tế bào xác định	C94.1	C941	Chronic erythraemia	Bệnh tăng hồng cầu mạn	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do WHO không có mã này</b>	official-who-updates-combined-1996-2012-volume-1.pdf Ngày chấp thuận 10/2008, ngày hiệu lực 01/2010
20	II	C00-D48	Neoplasms	U tân sinh	C00-C97	Neoplasms	U ác tính	C81-C96	Malignant neoplasms, stated or presumed to be primary, of lymphoid, haematopoietic and related tissue	U ác của hệ lympho, hệ tạo máu và các mô liên quan	C94	Other leukaemias of specified cell type	Bệnh bạch cầu khác có loại tế bào xác định	C94.5	C945	Acute myelofibrosis	Bệnh xơ tủy cấp	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do WHO không có mã này</b>	official-who-updates-combined-1996-2012-volume-1.pdf Ngày chấp thuận 10/2008, ngày hiệu lực 01/2010

21	II	C00-D48	Neoplasms	U tân sinh	C00-C97	Neoplasms	U ác tính	C81-C96	Malignant neoplasms, stated or presumed to be primary, of lymphoid, haematopoietic and related tissue	U ác của hệ lympho, hệ tạo máu và các mô liên quan	C95	Leukaemia of unspecified cell type	Bệnh bạch cầu có loại tế bào không xác định	C95.2	C952	Subacute leukaemia of unspecified cell type	Bệnh bạch cầu bán cấp loại tế bào không xác định	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		official-who-updates-combined-1996-2012-volume-1.pdf Ngày chấp thuận 10/2008, ngày hiệu lực 01/2010
22	II	C00-D48	Neoplasms	U tân sinh	C00-C97	Neoplasms	U ác tính	C81-C96	Malignant neoplasms, stated or presumed to be primary, of lymphoid, haematopoietic and related tissue	U ác của hệ lympho, hệ tạo máu và các mô liên quan	C96	Other and unspecified malignant neoplasms of lymphoid, haematopoietic and related tissue	U ác khác và không xác định của hệ lympho, hệ tạo máu và mô liên quan	C96.1	C961	Malignant histiocytosis	Bệnh mô bào ác tính	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		official-who-updates-combined-1996-2012-volume-1.pdf Ngày chấp thuận 10/2008, ngày hiệu lực 01/2010

23	II	C00-D48	Neoplasms	U tân sinh	C00-C97	Neoplasms	U ác tính	C81-C96	Malignant neoplasms, stated or presumed to be primary, of lymphoid, haematopoietic and related tissue	U ác của hệ lympho, hệ tạo máu và các mô liên quan	C96	Other and unspecified malignant neoplasms of lymphoid, haematopoietic and related tissue	U ác khác và không xác định của hệ lympho, hệ tạo máu và mô liên quan	C96.3	C963	True histiocytic lymphoma	U lympho mô bào thực sự	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		official-who-updates-combined-1996-2012-volume-1.pdf Ngày chấp thuận 10/2008, ngày hiệu lực 01/2010
24	II	C00-D48	Neoplasms	U tân sinh	D37-D48	Neoplasms of uncertain or unknown behaviour	U tân sinh không chắc chắn hoặc không biết tính chất				D46	Myelodysplastic syndromes	Hội chứng loạn sản tủy xương	D46.3	D463	Refractory anaemia with excess of blasts with transformation	Thiếu máu đề kháng với quá nhiều nguyên bào chuyển dạng	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		official-who-updates-combined-1996-2012-volume-1.pdf Ngày chấp thuận 10/2008, ngày hiệu lực 01/2010

25	III	D50-D89	Diseases of the blood and blood-forming organs and certain disorders involving the immune mechanism	Bệnh máu, cơ quan tạo máu và các rối loạn liên quan đến cơ chế miễn dịch	D60-D64	Aplastic and other anaemias	Suy tủy xương và các bệnh thiếu máu khác				D63	Anaemia in chronic diseases classified elsewhere	Thiếu máu trong các bệnh mãn tính đã được phân loại ở phần khác	D63	D63	Anaemia in chronic diseases classified elsewhere	Thiếu máu trong các bệnh mãn tính đã được phân loại ở phần khác		<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		official-who-updates-combined-1996-2012-volume-1.pdf Ngày chấp thuận 10/2008, ngày hiệu lực 01/2010
26	III	D50-D89	Diseases of the blood and blood-forming organs and certain disorders involving the immune mechanism	Bệnh máu, cơ quan tạo máu và các rối loạn liên quan đến cơ chế miễn dịch	D70-D77	Other diseases of blood and blood-forming organs	Các bệnh khác của máu và cơ quan tạo máu				D75	Other diseases of blood and blood-forming organs	Các bệnh máu và cơ quan tạo máu khác	D75.2	D752	Essential thrombocytosis	Tăng tiểu cầu tiền phát	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		official-who-updates-combined-1996-2012-volume-1.pdf Ngày chấp thuận 10/2008, ngày hiệu lực 01/2010

27	III	D50-D89	Diseases of the blood and blood-forming organs and certain disorders involving the immune mechanism	Bệnh máu, cơ quan tạo máu và các rối loạn liên quan đến cơ chế miễn dịch	D70-D77	Other diseases of blood and blood-forming organs	Các bệnh khác của máu và cơ quan tạo máu				D76	Certain diseases involving lymphoreticular tissue and reticuloendothelial system	Các bệnh của tổ chức lympho liên võng và - (tổ chức bào) mô bào liên võng xác định khác	D76.0	D760	Langerhans cell histiocytosis, not elsewhere classified	Bệnh tổ chức bào tế bào langerhans, chưa được phân loại ở phần khác	20/10/2020 11:38:34	Hủy do WHO không có mã này		official-who-updates-combined-1996-2012-volume-1.pdf Ngày chấp thuận 10/2008, ngày hiệu lực 01/2010
28	III	D50-D89	Diseases of the blood and blood-forming organs and certain disorders involving the immune mechanism	Bệnh máu, cơ quan tạo máu và các rối loạn liên quan đến cơ chế miễn dịch	D70-D77	Other diseases of blood and blood-forming organs	Các bệnh khác của máu và cơ quan tạo máu				D77	Other disorders of blood and blood-forming organs in disease classified elsewhere	Rối loạn của máu và cơ quan tạo máu trong các bệnh khác	D77	D77	Other disorders of blood and blood-forming organs in disease classified elsewhere	Rối loạn của máu và cơ quan tạo máu trong các bệnh khác		Hủy do WHO không có mã này		official-who-updates-combined-1996-2012-volume-1.pdf Ngày chấp thuận 10/2008, ngày hiệu lực 01/2010
29	IV	E00-E90	Endocrine, nutritional and metabolic diseases	Bệnh nội tiết, dinh dưỡng và chuyển hóa	E20-E35	Disorders of other endocrine glands	Rối loạn các tuyến nội tiết khác				E35	Disorders of endocrine glands in diseases classified elsewhere	Rối loạn tuyến nội tiết trong các bệnh đã được phân loại ở phần khác	E35	E35	Disorders of endocrine glands in diseases classified elsewhere	Rối loạn tuyến nội tiết trong các bệnh đã được phân loại ở phần khác		Hủy do WHO không có mã này		

30	IV	E00-E90	Endocrine, nutritional and metabolic diseases	Bệnh nội tiết, dinh dưỡng và chuyển hóa	E70-E90	Metabolic disorders	Rối loạn chuyển hóa				E90	Nutritional and metabolic disorders in disease classified elsewhere	Rối loạn chuyển hóa và dinh dưỡng trong các bệnh đã được phân loại ở phần khác	E90	E90	Nutritional and metabolic disorders in disease classified elsewhere	Rối loạn chuyển hóa và dinh dưỡng trong các bệnh đã được phân loại ở phần khác		<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		
31	V	F00-F99	Mental and behavioural disorders	Rối loạn tâm thần và hành vi	F00-F09	Organic, including symptomatic, mental disorders	Rối loạn tâm thần thực tổn bao gồm rối loạn tâm thần triệu chứng				F00	Dementia in Alzheimers diseaseG30.-	Sa sút trí tuệ trong bệnh Alzheimer (G30.-t)	F00	F00	Dementia in Alzheimers diseaseG30.-	Sa sút trí tuệ trong bệnh Alzheimer (G30.-t)		<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		
32	V	F00-F99	Mental and behavioural disorders	Rối loạn tâm thần và hành vi	F00-F09	Organic, including symptomatic, mental disorders	Rối loạn tâm thần thực tổn bao gồm rối loạn tâm thần triệu chứng				F02	Dementia in other diseases classified elsewhere	Sa sút trí tuệ trong các bệnh khác đã được xếp loại ở chỗ khác	F02	F02	Dementia in other diseases classified elsewhere	Sa sút trí tuệ trong các bệnh khác đã được xếp loại ở chỗ khác		<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		

33	VI	G00-G99	Diseases of the nervous system	Bệnh hệ thần kinh	G00-G09	Inflammatory diseases of the central nervous system	Bệnh viêm hệ thần kinh trung ương				G01	Meningitis in bacterial diseases classified elsewhere	Viêm màng não trong bệnh nhiễm khuẩn phân loại ở mục khác	G01	G01	Meningitis in bacterial diseases classified elsewhere	Viêm màng não trong bệnh nhiễm khuẩn phân loại ở mục khác		Hủy do WHO không có mã này		
34	VI	G00-G99	Diseases of the nervous system	Bệnh hệ thần kinh	G00-G09	Inflammatory diseases of the central nervous system	Bệnh viêm hệ thần kinh trung ương				G02	Meningitis in other infectious and parasitic diseases classified elsewhere	Viêm màng não trong bệnh nhiễm trùng và ký sinh trùng phân loại ở mục khác	G02	G02	Meningitis in other infectious and parasitic diseases classified elsewhere	Viêm màng não trong bệnh nhiễm trùng và ký sinh trùng phân loại ở mục khác		Hủy do WHO không có mã này		
35	VI	G00-G99	Diseases of the nervous system	Bệnh hệ thần kinh	G00-G09	Inflammatory diseases of the central nervous system	Bệnh viêm hệ thần kinh trung ương				G05	Encephalitis, myelitis and encephalomyelitis in diseases classified elsewhere	Viêm não, viêm tủy và viêm não- tủy trong bệnh phân loại ở mục khác	G05	G05	Encephalitis, myelitis and encephalomyelitis in diseases classified elsewhere	Viêm não, viêm tủy và viêm não- tủy trong bệnh phân loại ở mục khác		Hủy do WHO không có mã này		

36	VI	G00-G99	Diseases of the nervous system	Bệnh hệ thần kinh	G00-G09	Inflammatory diseases of the central nervous system	Bệnh viêm hệ thần kinh trung ương				G07	Intracranial and intraspinal abscess and granuloma in diseases specified elsewhere	Áp xe và u hạt nội sọ và nội tủy trong bệnh phân loại ở mục khác	G07	G07	Intracranial and intraspinal abscess and granuloma in diseases specified elsewhere	Áp xe và u hạt nội sọ và nội tủy trong bệnh phân loại ở mục khác		Hủy do WHO không có mã này		
37	VI	G00-G99	Diseases of the nervous system	Bệnh hệ thần kinh	G10-G14	Systemic atrophies primarily affecting the central nervous system	Bệnh teo hệ thống ảnh hưởng chủ yếu tới hệ thần kinh trung ương				G13	Systemic atrophies primarily affecting central nervous system in diseases classified elsewhere	Bệnh teo hệ thống ảnh hưởng chủ yếu tới hệ thần kinh trung ương trong bệnh phân loại nơi khác	G13	G13	Systemic atrophies primarily affecting central nervous system in diseases classified elsewhere	Bệnh teo hệ thống ảnh hưởng chủ yếu tới hệ thần kinh trung ương trong bệnh phân loại nơi khác		Hủy do WHO không có mã này		
38	VI	G00-G99	Diseases of the nervous system	Bệnh hệ thần kinh	G20-G26	Extrapyramidal and movement disorders	Hội chứng ngoại tháp và rối loạn vận động				G22	Parkinsonism in diseases classified elsewhere	Hội chứng Parkinson trong bệnh phân loại nơi khác	G22	G22	Parkinsonism in diseases classified elsewhere	Hội chứng Parkinson trong bệnh phân loại nơi khác		Hủy do WHO không có mã này		

39	VI	G00-G99	Diseases of the nervous system	Bệnh hệ thần kinh	G20-G26	Extrapyramidal and movement disorders	Hội chứng ngoại tháp và rối loạn vận động				G26	Extrapyramidal and movement disorders in diseases classified elsewhere	Hội chứng ngoại tháp và rối loạn vận động trong bệnh phân loại nơi khác	G26	G26	Extrapyramidal and movement disorders in diseases classified elsewhere	Hội chứng ngoại tháp và rối loạn vận động trong bệnh phân loại nơi khác		Hủy do WHO không có mã này		
40	VI	G00-G99	Diseases of the nervous system	Bệnh hệ thần kinh	G30-G32	Other degenerative diseases of the nervous system	Bệnh thoái hóa khác của hệ thần kinh				G32	Other degenerative disorders of nervous system in diseases classified elsewhere	Bệnh thoái hóa khác của hệ thần kinh, trong bệnh phân loại nơi khác	G32	G32	Other degenerative disorders of nervous system in diseases classified elsewhere	Bệnh thoái hóa khác của hệ thần kinh, trong bệnh phân loại nơi khác		Hủy do WHO không có mã này		
41	VI	G00-G99	Diseases of the nervous system	Bệnh hệ thần kinh	G40-G47	Episodic and paroxysmal disorders	Bệnh chu kỳ và kịch phát				G46	Vascular syndromes of brain in cerebrovascular diseases I60-I67	Hội chứng mạch máu não trong bệnh mạch máu não (I60-I67†)	G46	G46	Vascular syndromes of brain in cerebrovascular diseases I60-I67	Hội chứng mạch máu não trong bệnh mạch máu não (I60-I67†)		Hủy do WHO không có mã này		

42	VI	G00-G99	Diseases of the nervous system	Bệnh hệ thần kinh	G50-G59	Nerve, nerve root and plexus disorders	Bệnh dây, rễ và đám rối thần kinh				G53	Cranial nerve disorders in diseases classified elsewhere	Bệnh dây thần kinh sọ trong bệnh phân loại nơi khác	G53	G53	Cranial nerve disorders in diseases classified elsewhere	Bệnh dây thần kinh sọ trong bệnh phân loại nơi khác		Hủy do WHO không có mã này		
43	VI	G00-G99	Diseases of the nervous system	Bệnh hệ thần kinh	G50-G59	Nerve, nerve root and plexus disorders	Bệnh dây, rễ và đám rối thần kinh				G55	Nerve root and plexus compressions in diseases classified elsewhere	Chèn ép rễ thần kinh và đám rối trong bệnh phân loại nơi khác	G55	G55	Nerve root and plexus compressions in diseases classified elsewhere	Chèn ép rễ thần kinh và đám rối trong bệnh phân loại nơi khác		Hủy do WHO không có mã này		
44	VI	G00-G99	Diseases of the nervous system	Bệnh hệ thần kinh	G50-G59	Nerve, nerve root and plexus disorders	Bệnh dây, rễ và đám rối thần kinh				G56	Mononeuropathies of upper limb	Bệnh đơn dây thần kinh chi trên	G56.4	G564	Causalgia	Bỏng buốt	20/10/2020 11:38:34	Hủy do WHO không có mã này		WHO bỏ từ năm 2017 theo tài liệu được ban hành tháng 10/2017, hiệu lực từ tháng 1/2019
45	VI	G00-G99	Diseases of the nervous system	Bệnh hệ thần kinh	G50-G59	Nerve, nerve root and plexus disorders	Bệnh dây, rễ và đám rối thần kinh				G59	Mononeuropathy in diseases classified elsewhere	Bệnh đơn dây thần kinh được phân loại nơi khác	G59	G59	Mononeuropathy in diseases classified elsewhere	Bệnh đơn dây thần kinh được phân loại nơi khác		Hủy do WHO không có mã này		

46	VI	G00-G99	Diseases of the nervous system	Bệnh hệ thần kinh	G60-G64	Polyneuropathies and other disorders of the peripheral nervous system	Viêm nhiều dây thần kinh và bệnh hệ thần kinh ngoại biên khác				G63	Polyneuropathy in diseases classified elsewhere	Bệnh đa dây thần kinh trong các bệnh phân loại nơi khác	G63	G63	Polyneuropathy in diseases classified elsewhere	Bệnh đa dây thần kinh trong các bệnh phân loại nơi khác		Hủy do WHO không có mã này		
47	VI	G00-G99	Diseases of the nervous system	Bệnh hệ thần kinh	G70-G73	Diseases of myoneural junction and muscle	Bệnh của khớp thần kinh - cơ và cơ				G73	Disorders of myoneural junction and muscle in diseases classified elsewhere	Bệnh khớp thần kinh- cơ và cơ trong các bệnh phân loại nơi khác	G73	G73	Disorders of myoneural junction and muscle in diseases classified elsewhere	Bệnh khớp thần kinh- cơ và cơ trong các bệnh phân loại nơi khác		Hủy do WHO không có mã này		
48	VI	G00-G99	Diseases of the nervous system	Bệnh hệ thần kinh	G90-G99	Other disorders of the nervous system	Các bệnh khác của hệ thần kinh				G90	Disorders of autonomic nervous system	Bệnh hệ thần kinh tự động	G90.3	G903	Multi-system degeneration	thoái hóa đa hệ	20/10/2020 11:38:34	Hủy do WHO không có mã này		WHO bỏ từ năm 2014 theo tài liệu được ban hành tháng 9/2014, hiệu lực từ tháng 1/2016
49	VI	G00-G99	Diseases of the nervous system	Bệnh hệ thần kinh	G90-G99	Other disorders of the nervous system	Các bệnh khác của hệ thần kinh				G94	Other disorders of brain in diseases classified elsewhere	Bệnh khác của não trong bệnh phân loại nơi khác	G94	G94	Other disorders of brain in diseases classified elsewhere	Bệnh khác của não trong bệnh phân loại nơi khác		Hủy do WHO không có mã này		

50	VI	G00-G99	Diseases of the nervous system	Bệnh hệ thần kinh	G90-G99	Other disorders of the nervous system	Các bệnh khác của hệ thần kinh				G99	Other disorders of nervous system in diseases classified elsewhere	Bệnh khác của hệ thần kinh trong bệnh phân loại nơi khác	G99	G99	Other disorders of nervous system in diseases classified elsewhere	Bệnh khác của hệ thần kinh trong bệnh phân loại nơi khác		Hủy do WHO không có mã này		
51	VII	H00-H59	Diseases of the eye and adnexa	Bệnh mắt và phần phụ	H00-H06	Disorders of eyelid, lacrimal system and orbit	Bệnh của mí mắt, lệ bộ và hốc mắt				H03	Disorders of eyelid in diseases classified elsewhere	Bệnh mí mắt trong các bệnh phân loại nơi khác	H03	H03	Disorders of eyelid in diseases classified elsewhere	Bệnh mí mắt trong các bệnh phân loại nơi khác		Hủy do WHO không có mã này		
52	VII	H00-H59	Diseases of the eye and adnexa	Bệnh mắt và phần phụ	H00-H06	Disorders of eyelid, lacrimal system and orbit	Bệnh của mí mắt, lệ bộ và hốc mắt				H06	Disorders of lacrimal system and orbit in diseases classified elsewhere	Bệnh của lệ bộ và hốc mắt trong các bệnh phân loại nơi khác	H06	H06	Disorders of lacrimal system and orbit in diseases classified elsewhere	Bệnh của lệ bộ và hốc mắt trong các bệnh phân loại nơi khác		Hủy do WHO không có mã này		
53	VII	H00-H59	Diseases of the eye and adnexa	Bệnh mắt và phần phụ	H10-H13	Disorders of conjunctiva	Bệnh của kết mạc				H13	Disorders of conjunctiva in diseases classified elsewhere	Bệnh của kết mạc trong các bệnh phân loại nơi khác	H13	H13	Disorders of conjunctiva in diseases classified elsewhere	Bệnh của kết mạc trong các bệnh phân loại nơi khác		Hủy do WHO không có mã này		

54	VII	H00-H59	Diseases of the eye and adnexa	Bệnh mắt và phần phụ	H15-H22	Disorders of sclera, cornea, iris and ciliary body	Bệnh củng mạc, giác mạc, mống mắt và thể mi				H19	Disorders of sclera and cornea in diseases classified elsewhere	Bệnh củng mạc và giác mạc trong các bệnh phân loại nơi khác	H19	H19	Disorders of sclera and cornea in diseases classified elsewhere	Bệnh củng mạc và giác mạc trong các bệnh phân loại nơi khác		<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		
55	VII	H00-H59	Diseases of the eye and adnexa	Bệnh mắt và phần phụ	H15-H22	Disorders of sclera, cornea, iris and ciliary body	Bệnh củng mạc, giác mạc, mống mắt và thể mi				H22	Disorders of iris and ciliary body in diseases classified elsewhere	Bệnh của mống mắt và thể mi trong bệnh phân loại nơi khác	H22	H22	Disorders of iris and ciliary body in diseases classified elsewhere	Bệnh của mống mắt và thể mi trong bệnh phân loại nơi khác		<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		
56	VII	H00-H59	Diseases of the eye and adnexa	Bệnh mắt và phần phụ	H25-H28	Disorders of lens	Bệnh thủy tinh thể				H28	Cataract and other disorders of lens in diseases classified elsewhere	Đục thủy tinh thể và bệnh của thủy tinh thể khác trong các bệnh phân loại nơi khác	H28	H28	Cataract and other disorders of lens in diseases classified elsewhere	Đục thủy tinh thể và bệnh của thủy tinh thể khác trong các bệnh phân loại nơi khác		<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		

57	VII	H00-H59	Diseases of the eye and adnexa	Bệnh mắt và phần phụ	H30-H36	Disorders of choroid and retina	Bệnh hắc mạc và võng mạc				H32	Chorioretinal disorders in diseases classified elsewhere	Bệnh hắc võng mạc trong các bệnh phân loại nơi khác	H32	H32	Chorioretinal disorders in diseases classified elsewhere	Bệnh hắc võng mạc trong các bệnh phân loại nơi khác		Hủy do WHO không có mã này		
58	VII	H00-H59	Diseases of the eye and adnexa	Bệnh mắt và phần phụ	H30-H36	Disorders of choroid and retina	Bệnh hắc mạc và võng mạc				H36	Retinal disorders in diseases classified elsewhere	Bệnh võng mạc trong các bệnh phân loại nơi khác	H36	H36	Retinal disorders in diseases classified elsewhere	Bệnh võng mạc trong các bệnh phân loại nơi khác		Hủy do WHO không có mã này		
59	VII	H00-H59	Diseases of the eye and adnexa	Bệnh mắt và phần phụ	H40-H42	Glaucoma	Bệnh glôcôm				H42	Glaucoma in diseases classified elsewhere	Glôcôm trong các bệnh phân loại nơi khác	H42	H42	Glaucoma in diseases classified elsewhere	Glôcôm trong các bệnh phân loại nơi khác		Hủy do WHO không có mã này		
60	VII	H00-H59	Diseases of the eye and adnexa	Bệnh mắt và phần phụ	H43-H45	Disorders of vitreous body and globe	Bệnh dịch kính và nhãn cầu				H45	Disorders of vitreous body and globe in diseases classified elsewhere	Bệnh của dịch kính và nhãn cầu trong các bệnh phân loại nơi khác	H45	H45	Disorders of vitreous body and globe in diseases classified elsewhere	Bệnh của dịch kính và nhãn cầu trong các bệnh phân loại nơi khác		Hủy do WHO không có mã này		

61	VII	H00-H59	Diseases of the eye and adnexa	Bệnh mắt và phần phụ	H46-H48	Disorders of optic nerve and visual pathways	Bệnh thần kinh thị và đường dẫn thị giác				H48	Disorders of optic [2nd] nerve and visual pathways in diseases classified elsewhere	Bệnh thần kinh thị và đường dẫn thị giác trong các bệnh phân loại nơi khác	H48	H48	Disorders of optic [2nd] nerve and visual pathways in diseases classified elsewhere	Bệnh thần kinh thị và đường dẫn thị giác trong các bệnh phân loại nơi khác		<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		
62	VII	H00-H59	Diseases of the eye and adnexa	Bệnh mắt và phần phụ	H53-H54	Visual disturbances and blindness	Rối loạn thị giác và mù lòa				H54	Blindness and low vision	Giảm thị lực bao gồm mù lòa (hai mắt hoặc một mắt)	H54.7	H547	Unspecified visual loss	Mất thị lực, không đặc hiệu	20/10 /2020 11:38:34	<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		
63	VII	H00-H59	Diseases of the eye and adnexa	Bệnh mắt và phần phụ	H55-H59	Other disorders of eye and adnexa	Bệnh mắt và phần phụ				H58	Other disorders of eye and adnexa in diseases classified elsewhere	Bệnh khác của mắt và phần phụ trong các bệnh phân loại nơi khác	H58	H58	Other disorders of eye and adnexa in diseases classified elsewhere	Bệnh khác của mắt và phần phụ trong các bệnh phân loại nơi khác		<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		
64	VIII	H60-H95	Diseases of the ear and mastoid process	Bệnh của tai và xương chũm	H60-H62	Diseases of external ear	Bệnh của tai ngoài				H62	Disorders of external ear in diseases classified elsewhere	Bệnh tai ngoài trong bệnh phân loại nơi khác	H62	H62	Disorders of external ear in diseases classified elsewhere	Bệnh tai ngoài trong bệnh phân loại nơi khác		<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		

65	VIII	H60-H95	Diseases of the ear and mastoid process	Bệnh của tai và xương chũm	H65-H75	Diseases of middle ear and mastoid	Bệnh của tai giữa và xương chũm				H67	Otitis media in diseases classified elsewhere	Viêm tai giữa trong bệnh phân loại nơi khác	H67	H67	Otitis media in diseases classified elsewhere	Viêm tai giữa trong bệnh phân loại nơi khác		<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		
66	VIII	H60-H95	Diseases of the ear and mastoid process	Bệnh của tai và xương chũm	H65-H75	Diseases of middle ear and mastoid	Bệnh của tai giữa và xương chũm				H75	Other disorders of middle ear and mastoid in diseases classified elsewhere	Bệnh khác của tai giữa và xương chũm trong bệnh phân loại nơi khác	H75	H75	Other disorders of middle ear and mastoid in diseases classified elsewhere	Bệnh khác của tai giữa và xương chũm trong bệnh phân loại nơi khác		<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		
67	VIII	H60-H95	Diseases of the ear and mastoid process	Bệnh của tai và xương chũm	H80-H83	Diseases of inner ear	Bệnh của tai trong				H82	Disorders of vestibular function	Rối loạn chức năng tiền đình	H82	H82	Disorders of vestibular function	Rối loạn chức năng tiền đình		<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		
68	VIII	H60-H95	Diseases of the ear and mastoid process	Bệnh của tai và xương chũm	H90-H95	Other disorders of ear	Bệnh khác của tai				H94	Other disorders of ear in diseases classified elsewhere	Bệnh khác của tai trong bệnh phân loại nơi khác	H94	H94	Other disorders of ear in diseases classified elsewhere	Bệnh khác của tai trong bệnh phân loại nơi khác		<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		
69	IX	I00-I99	Diseases of the circulatory system	Bệnh hệ tuần hoàn	I30-I52	Other forms of heart disease	Thể bệnh tim khác				I32	Pericarditis in diseases classified elsewhere	Viêm màng ngoài tim trong bệnh phân loại nơi khác	I32	I32	Pericarditis in diseases classified elsewhere	Viêm màng ngoài tim trong bệnh phân loại nơi khác		<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		

70	IX	I00-I99	Diseases of the circulatory system	Bệnh hệ tuần hoàn	I30-I52	Other forms of heart disease	Thể bệnh tim khác				I39	Endocarditis and heart valve disorders in diseases classified elsewhere	Viêm nội tâm mạc và bệnh van tim trong bệnh phân loại nơi khác	I39	I39	Endocarditis and heart valve disorders in diseases classified elsewhere	Viêm nội tâm mạc và bệnh van tim trong bệnh phân loại nơi khác		Hủy do WHO không có mã này		
71	IX	I00-I99	Diseases of the circulatory system	Bệnh hệ tuần hoàn	I30-I52	Other forms of heart disease	Thể bệnh tim khác				I41	Myocarditis in diseases classified elsewhere	Viêm cơ tim trong bệnh phân loại nơi khác	I41	I41	Myocarditis in diseases classified elsewhere	Viêm cơ tim trong bệnh phân loại nơi khác		Hủy do WHO không có mã này		
72	IX	I00-I99	Diseases of the circulatory system	Bệnh hệ tuần hoàn	I30-I52	Other forms of heart disease	Thể bệnh tim khác				I43	Cardiomyopathy in diseases classified elsewhere	Bệnh cơ tim trong bệnh phân loại nơi khác	I43	I43	Cardiomyopathy in diseases classified elsewhere	Bệnh cơ tim trong bệnh phân loại nơi khác		Hủy do WHO không có mã này		
73	IX	I00-I99	Diseases of the circulatory system	Bệnh hệ tuần hoàn	I30-I52	Other forms of heart disease	Thể bệnh tim khác				I52	Other heart disorders in diseases classified elsewhere	Các bệnh lý khác trong các bệnh đã phân loại nơi khác	I52	I52	Other heart disorders in diseases classified elsewhere	Các bệnh lý khác trong các bệnh đã phân loại nơi khác		Hủy do WHO không có mã này		
74	IX	I00-I99	Diseases of the circulatory system	Bệnh hệ tuần hoàn	I60-I69	Cerebrovascular diseases	Bệnh mạch máu não				I68	Cerebrovascular disorders in diseases classified elsewhere	Bệnh mạch máu não trong bệnh phân loại nơi khác	I68	I68	Cerebrovascular disorders in diseases classified elsewhere	Bệnh mạch máu não trong bệnh phân loại nơi khác		Hủy do WHO không có mã này		

75	IX	I00-I99	Diseases of the circulatory system	Bệnh hệ tuần hoàn	I70-I79	Diseases of arteries, arterioles and capillaries	Bệnh động mạch, tiểu động mạch và mao mạch				I79	Disorders of arteries, arterioles and capillaries in diseases classified elsewhere	Bệnh động mạch, tiểu động mạch và mao mạch trong bệnh phân loại nơi khác	I79	I79	Disorders of arteries, arterioles and capillaries in diseases classified elsewhere	Bệnh động mạch, tiểu động mạch và mao mạch trong bệnh phân loại nơi khác		Hủy do WHO không có mã này		
76	IX	I00-I99	Diseases of the circulatory system	Bệnh hệ tuần hoàn	I95-I99	Other and unspecified disorders of the circulatory system	Rối loạn khác và không xác định của hệ tuần hoàn				I98	Other disorders of circulatory system in diseases classified elsewhere	Rối loạn khác của hệ tuần hoàn trong bệnh phân loại nơi khác	I98	I98	Other disorders of circulatory system in diseases classified elsewhere	Rối loạn khác của hệ tuần hoàn trong bệnh phân loại nơi khác		Hủy do WHO không có mã này		
77	X	J00-J99	Diseases of the respiratory system	Bệnh hệ hô hấp	J09-J18	Influenza and pneumonia	Cúm và viêm phổi				J13	Pneumonia due to Streptococcus pneumoniae	Viêm phổi do phế cầu Streptococcus pneumoniae	J13	J13	Pneumonia due to Streptococcus pneumoniae	Viêm phổi do phế cầu Streptococcus pneumoniae	20/10/2020 11:38:34	Hủy mã này do 4469 có 2 mã J13, giống mã bệnh, giống tên bệnh, giống thông tin bổ sung. WHO chỉ có 1 mã J13		

78	X	J00-J99	Diseases of the respiratory system	Bệnh hệ hô hấp	J90-J94	Other diseases of pleura	Bệnh khác của màng phổi				J91	Pleural effusion incondition classified elsewhere	Tràn dịch màng phổi trong bệnh phân loại nơi khác	J91	J91	Pleural effusion incondition classified elsewhere	Tràn dịch màng phổi trong bệnh phân loại nơi khác		Hủy do WHO không có mã này		
79	X	J00-J99	Diseases of the respiratory system	Bệnh hệ hô hấp	J95-J99	Other diseases of the respiratory system	Các bệnh lý khác của hệ hô hấp				J99	Respiratory disorders in diseases classified elsewhere	Bệnh hô hấp trong các bệnh được phân loại nơi khác	J99	J99	Respiratory disorders in diseases classified elsewhere	Bệnh hô hấp trong các bệnh được phân loại nơi khác		Hủy do WHO không có mã này		
80	XI	K00-K93	Diseases of the digestive system	Bệnh hệ tiêu hóa	K20-K31	Diseases of oesophagus, stomach and duodenum	Bệnh của thực quản, dạ dày và tá tràng				K23	Disorders of oesophagus in diseases classified elsewhere	Rối loạn thực quản trong bệnh phân loại nơi khác	K23	K23	Disorders of oesophagus in diseases classified elsewhere	Rối loạn thực quản trong bệnh phân loại nơi khác		Hủy do WHO không có mã này		
81	XI	K00-K93	Diseases of the digestive system	Bệnh hệ tiêu hóa	K35-K38	Diseases of appendix	Bệnh ruột thừa				K35	Acute appendicitis	Viêm ruột thừa cấp	K35.0	K350	Acute appendicitis with generalized peritonitis	Viêm ruột thừa với viêm phúc mạc toàn bộ	20/10/2020 11:38:34	Hủy do WHO không có mã này		official-who-updates-combined-1996-2012-volume-1.pdf Ngày chấp thuận 10/2008, ngày hiệu lực 01/2010

82	XI	K00-K93	Diseases of the digestive system	Bệnh hệ tiêu hóa	K35-K38	Diseases of appendix	Bệnh ruột thừa				K35	Acute appendicitis	Viêm ruột thừa cấp	K35.1	K351	Acute appendicitis with peritoneal abscess	Viêm ruột thừa cấp với áp xe phúc mạc	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		official-who-updates-combined-1996-2012-volume-1.pdf Ngày chấp thuận 10/2008, ngày hiệu lực 01/2010
83	XI	K00-K93	Diseases of the digestive system	Bệnh hệ tiêu hóa	K35-K38	Diseases of appendix	Bệnh ruột thừa				K35	Acute appendicitis	Viêm ruột thừa cấp	K35.9	K359	Acute appendicitis, unspecified	Viêm ruột thừa cấp - không đặc hiệu	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		official-who-updates-combined-1996-2012-volume-1.pdf Ngày chấp thuận 10/2008, ngày hiệu lực 01/2010

84	XI	K00-K93	Diseases of the digestive system	Bệnh hệ tiêu hóa	K50-K52	Noninfective enteritis and colitis	Viêm ruột non và đại tràng không do nhiễm trùng				K51	Ulcerative colitis	Viêm loét đại tràng chảy máu	K51.1	K511	Ulcerative (chronic) ileocolitis	Viêm loét hồi - đại tràng (mãn)	20/10/2020 11:38:34	Hủy do WHO không có mã này		official-who-updates-combined-1996-2012-volume-1.pdf Ngày chấp thuận 10/2005, ngày hiệu lực 01/2010
85	XI	K00-K93	Diseases of the digestive system	Bệnh hệ tiêu hóa	K55-K64	Other diseases of intestines	Bệnh đường ruột khác				K58	Irritable bowel syndrome	Hội chứng ruột kích thích	K58.0	K580	Irritable bowel syndrome with diarrhoea	Hội chứng ruột kích thích, có tiêu chảy	20/10/2020 11:38:34	Hủy do WHO không có mã này		WHO bỏ từ năm 2017 theo tài liệu được ban hành tháng 10/2017, hiệu lực từ tháng 1/2019
86	XI	K00-K93	Diseases of the digestive system	Bệnh hệ tiêu hóa	K55-K64	Other diseases of intestines	Bệnh đường ruột khác				K58	Irritable bowel syndrome	Hội chứng ruột kích thích	K58.9	K589	Irritable bowel syndrome without diarrhoea	Hội chứng ruột kích thích, không tiêu chảy	20/10/2020 11:38:34	Hủy do WHO không có mã này		WHO bỏ từ năm 2017 theo tài liệu được ban hành tháng 10/2017, hiệu lực từ tháng 1/2019

87	XI	K00-K93	Diseases of the digestive system	Bệnh hệ tiêu hóa	K65-K67	Diseases of peritoneum	Bệnh của phúc mạc				K67	Disorders of peritoneum in infectious diseases classified elsewhere	Rối loạn của phúc mạc trong bệnh nhiễm trùng phân loại nơi khác	K67	K67	Disorders of peritoneum in infectious diseases classified elsewhere	Rối loạn của phúc mạc trong bệnh nhiễm trùng phân loại nơi khác		Hủy do WHO không có mã này		
88	XI	K00-K93	Diseases of the digestive system	Bệnh hệ tiêu hóa	K70-K77	Diseases of liver	Bệnh của gan				K77	Liver disorders in diseases classified elsewhere	Rối loạn chức năng gan trong bệnh phân loại nơi khác	K77	K77	Liver disorders in diseases classified elsewhere	Rối loạn chức năng gan trong bệnh phân loại nơi khác		Hủy do WHO không có mã này		
89	XI	K00-K93	Diseases of the digestive system	Bệnh hệ tiêu hóa	K80-K87	Disorders of gallbladder, biliary tract and pancreas	Bệnh túi mật, ống mật và tụy				K87	Disorders of gallbladder, biliary tract and pancreas in diseases classified elsewhere	Rối loạn của túi mật, đường mật và tụy đã được phân loại nơi khác	K87	K87	Disorders of gallbladder, biliary tract and pancreas in diseases classified elsewhere	Rối loạn của túi mật, đường mật và tụy đã được phân loại nơi khác		Hủy do WHO không có mã này		
90	XI	K00-K93	Diseases of the digestive system	Bệnh hệ tiêu hóa	K90-K93	Other diseases of the digestive system	Bệnh khác của hệ tiêu hóa				K93	Disorders of other digestive organs in diseases classified elsewhere	Rối loạn của cơ quan tiêu hóa khác đã được phân loại ở nơi khác	K93	K93	Disorders of other digestive organs in diseases classified elsewhere	Rối loạn của cơ quan tiêu hóa khác đã được phân loại ở nơi khác		Hủy do WHO không có mã này		

91	XII	L00-L99	Diseases of the skin and subcutaneous tissue	Bệnh của da và tổ chức dưới da	L10-L14	Bullous disorders	Bệnh da bọt nước				L14	Bullous disorders in diseases classified elsewhere	Các bệnh da bọt nước trong các bệnh đã được phân loại ở phần khác	L14	L14	Bullous disorders in diseases classified elsewhere	Các bệnh da bọt nước trong các bệnh đã được phân loại ở phần khác		<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		
92	XII	L00-L99	Diseases of the skin and subcutaneous tissue	Bệnh của da và tổ chức dưới da	L40-L45	Papulosquamous disorders	Bệnh sẩn có vảy				L41	Parapsoriasis	Á vảy nến	L41.2	L412	Lymphomatoid papulosis	Bệnh sẩn dạng lympho	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		official-who-updates-combined-1996-2012-volume-1.pdf Ngày chấp thuận 10/2005, ngày hiệu lực 01/2010
93	XII	L00-L99	Diseases of the skin and subcutaneous tissue	Bệnh của da và tổ chức dưới da	L40-L45	Papulosquamous disorders	Bệnh sẩn có vảy				L45	Papulosquamous disorders in diseases classified elsewhere	Các bệnh sẩn có vảy trong các bệnh đã phân loại ở nơi khác	L45	L45	Papulosquamous disorders in diseases classified elsewhere	Các bệnh sẩn có vảy trong các bệnh đã phân loại ở nơi khác		<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		

94	XII	L00-L99	Diseases of the skin and subcutaneous tissue	Bệnh của da và tổ chức dưới da	L50-L54	Urticaria and erythema	Mày đay và hồng ban				L54	Erythema in diseases classified elsewhere	Hồng ban trong các bệnh đã phân loại ở phần khác	L54	L54	Erythema in diseases classified elsewhere	Hồng ban trong các bệnh đã phân loại ở phần khác		Hủy do WHO không có mã này		
95	XII	L00-L99	Diseases of the skin and subcutaneous tissue	Bệnh của da và tổ chức dưới da	L60-L75	Disorders of skin appendages	Các bệnh phần phụ của da				L62	Nail disorders in diseases classified elsewhere	Các bệnh móng trong các bệnh đã phân loại ở phần khác	L62	L62	Nail disorders in diseases classified elsewhere	Các bệnh móng trong các bệnh đã phân loại ở phần khác		Hủy do WHO không có mã này		
96	XII	L00-L99	Diseases of the skin and subcutaneous tissue	Bệnh của da và tổ chức dưới da	L80-L99	Other disorders of the skin and subcutaneous tissue	Các bệnh khác của da và tổ chức dưới da				L86	Keratoderma in diseases classified elsewhere	Dày sừng trong các bệnh đã được phân loại ở phần khác	L86	L86	Keratoderma in diseases classified elsewhere	Dày sừng trong các bệnh đã được phân loại ở phần khác		Hủy do WHO không có mã này		
97	XII	L00-L99	Diseases of the skin and subcutaneous tissue	Bệnh của da và tổ chức dưới da	L80-L99	Other disorders of the skin and subcutaneous tissue	Các bệnh khác của da và tổ chức dưới da				L99	Other disorders of skin and subcutaneous tissue in diseases classified elsewhere	Bệnh khác của da và tổ chức dưới da trong các bệnh đã phân loại ở phần khác	L99	L99	Other disorders of skin and subcutaneous tissue in diseases classified elsewhere	Bệnh khác của da và tổ chức dưới da trong các bệnh đã phân loại ở phần khác		Hủy do WHO không có mã này		

98	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M00-M03	Infectious arthropathies	Bệnh khớp nhiễm khuẩn	M01	Direct infections of joint in infectious and parasitic diseases classified elsewhere	Viêm khớp nhiễm khuẩn trực tiếp do các bệnh nhiễm khuẩn và ký sinh vật đã được xếp loại ở mục khác	M01	M01	Direct infections of joint in infectious and parasitic diseases classified elsewhere	Viêm khớp nhiễm khuẩn trực tiếp do các bệnh nhiễm khuẩn và ký sinh vật đã được xếp loại ở mục khác		Hủy do WHO không có mã này		
99	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M00-M03	Infectious arthropathies	Bệnh khớp nhiễm khuẩn	M03	Postinfective and reactive arthropathies in diseases classified elsewhere	Bệnh khớp sau nhiễm khuẩn và bệnh khớp phản ứng được xếp loại ở mục khác	M03	M03	Postinfective and reactive arthropathies in diseases classified elsewhere	Bệnh khớp sau nhiễm khuẩn và bệnh khớp phản ứng được xếp loại ở mục khác		Hủy do WHO không có mã này		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M07	Psoriatic and enteropathic arthropathies	Bệnh khớp vẩy nến và bệnh đường ruột	M07	M07	Psoriatic and enteropathic arthropathies	Bệnh khớp vẩy nến và bệnh đường ruột		<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M07	Psoriatic and enteropathic arthropathies	Bệnh khớp vẩy nến và bệnh đường ruột	M07.01*	M0701	Distal interphalangeal psoriatic arthropathy (L40.5+), Shoulder region	Bệnh khớp vẩy nến có tổn thương khớp ngón xa (L40.5+), vùng bả vai	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M07	Psoriatic and enteropathic arthropathies	Bệnh khớp vẩy nến và bệnh đường ruột	M07.02*	M0702	Distal interphalangeal psoriatic arthropathy (L40.5+), Upper arm	Bệnh khớp vẩy nến có tổn thương khớp ngón xa (L40.5+), cánh tay	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M07	Psoriatic and enteropathic arthropathies	Bệnh khớp vẩy nến và bệnh đường ruột	M07.03*	M0703	Distal interphalangeal psoriatic arthropathy (L40.5+), forearm	Bệnh khớp vẩy nến có tổn thương khớp ngón xa (L40.5+), cẳng tay	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M07	Psoriatic and enteropathic arthropathies	Bệnh khớp vẩy nến và bệnh đường ruột	M07.05*	M0705	Distal interphalangeal psoriatic arthropathy (L40.5+), pelvic region and thigh	Bệnh khớp vẩy nến có tổn thương khớp ngón xa (L40.5+), vùng chậu và đùi	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M07	Psoriatic and enteropathic arthropathies	Bệnh khớp vẩy nến và bệnh đường ruột	M07.06*	M0706	Distal interphalangeal psoriatic arthropathy (L40.5+), lower leg	Bệnh khớp vẩy nến có tổn thương khớp ngón xa (L40.5+), cẳng chân	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M07	Psoriatic and enteropathic arthropathies	Bệnh khớp vẩy nến và bệnh đường ruột	M07.08*	M0708	Distal interphalangeal psoriatic arthropathy (L40.5+), other	Bệnh khớp vẩy nến có tổn thương khớp ngón xa (L40.5+), vị trí khác	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M	Diseases of	Bệnh hệ cơ	M00-M2	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory	Viêm đa khớp	M07	Psoriatic and	Bệnh khớp	M07.20*	M0720	Psoriatic spine	Viêm cột sống	20/10/	Hủy do mã ký tự thứ 5 vị trí không phù hợp		
###	XIII	M00-M	Diseases of	Bệnh hệ cơ	M00-M2	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory	Viêm đa khớp	M07	Psoriatic and	Bệnh khớp	M07.21*	M0721	Psoriatic spine	Viêm cột sống	20/10/	Hủy do mã ký tự thứ 5 vị trí không phù hợp		
###	XIII	M00-M	Diseases of	Bệnh hệ cơ	M00-M2	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory	Viêm đa khớp	M07	Psoriatic and	Bệnh khớp	M07.22*	M0722	Psoriatic spine	Viêm cột sống	20/10/	Hủy do mã ký tự thứ 5 vị trí không phù hợp		

###	XIII	M00-M1	Diseases of	Bệnh hệ cơ	M00-M2	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammation	Viêm đa khớp	M07	Psoriatic arthritis	Bệnh khớp	M07.23*	M0723	Psoriatic spondylitis	Viêm cột sống	20/10/	Hủy do mã ký tự thứ 5 vị trí không phù hợp		
###	XIII	M00-M1	Diseases of	Bệnh hệ cơ	M00-M2	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammation	Viêm đa khớp	M07	Psoriatic arthritis	Bệnh khớp	M07.24*	M0724	Psoriatic spondylitis	Viêm cột sống	20/10/	Hủy do mã ký tự thứ 5 vị trí không phù hợp		
###	XIII	M00-M1	Diseases of	Bệnh hệ cơ	M00-M2	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammation	Viêm đa khớp	M07	Psoriatic arthritis	Bệnh khớp	M07.25*	M0725	Psoriatic spondylitis	Viêm cột sống	20/10/	Hủy do mã ký tự thứ 5 vị trí không phù hợp		
###	XIII	M00-M1	Diseases of	Bệnh hệ cơ	M00-M2	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammation	Viêm đa khớp	M07	Psoriatic arthritis	Bệnh khớp	M07.26*	M0726	Psoriatic spondylitis	Viêm cột sống	20/10/	Hủy do mã ký tự thứ 5 vị trí không phù hợp		
###	XIII	M00-M1	Diseases of	Bệnh hệ cơ	M00-M2	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammation	Viêm đa khớp	M07	Psoriatic arthritis	Bệnh khớp	M07.27*	M0727	Psoriatic spondylitis	Viêm cột sống	20/10/	Hủy do mã ký tự thứ 5 vị trí không phù hợp		
###	XIII	M00-M1	Diseases of	Bệnh hệ cơ	M00-M2	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammation	Viêm đa khớp	M07	Psoriatic arthritis	Bệnh khớp	M07.28*	M0728	Psoriatic spondylitis	Viêm cột sống	20/10/	Hủy do mã ký tự thứ 5 vị trí không phù hợp		

###	XIII	M00-M	Diseases of	Bệnh hệ cơ	M00-M	Arthropath	Bệnh khớp	M05-M14	Inflamma	Viêm đa k	M07	Psoriatic an	Bệnh khớp	M07.29*	M0729	Psoriatic sp	Viêm cột s	20/10/	Hủy do mã ký tự thứ 5 vị trí không phù hợp		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M07	Psoriatic and enteropathic arthropathies	Bệnh khớp vẩy nến và bệnh đường ruột	M07.4	M074	Arthropathy in Crohn's disease [regional enteritis] (K50.-†)	Bệnh khớp trong bệnh Crohn [Viêm đoạn ruột] (K50.-†)	20/10/2020 11:38:34	Hủy do WHO không có mã này		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M07	Psoriatic and enteropathic arthropathies	Bệnh khớp vẩy nến và bệnh đường ruột	M07.5	M075	Arthropathy in ulcerative colitis (K51.-†)	Bệnh khớp trong viêm loét đại tràng (K51.-†)	20/10/2020 11:38:34	Hủy do WHO không có mã này		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M07	Psoriatic and enteropathic arthropathies	Bệnh khớp vẩy nến và bệnh đường ruột	M07.6	M076	Other enteropathic arthropathies	Bệnh khớp trong bệnh đường ruột khác	20/10/2020 11:38:34	Hủy do WHO không có mã này		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M09	Juvenile arthritis in diseases classified elsewhere	Viêm khớp thiếu niên trong các bệnh được xếp ở mục khác	M09	M09	Juvenile arthritis in diseases classified elsewhere	Viêm khớp thiếu niên trong các bệnh được xếp ở mục khác		Hủy do WHO không có mã này		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác		<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.00*	M1400	Gouty arthropathy due to enzyme defects and other inherited disorders, Multiple sites	Bệnh khớp gút do thiếu men và các bệnh lý di truyền khác, Nhiều vị trí	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.01*	M1401	Gouty arthropathy due to enzyme defects and other inherited disorders, Shoulder region	Bệnh khớp gút do thiếu men và các bệnh lý di truyền khác, vùng bả vai	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.02*	M1402	Gouty arthropathy due to enzyme defects and other inherited disorders, Upper arm	Bệnh khớp gút do thiếu men và các bệnh lý di truyền khác, cánh tay	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.03*	M1403	Gouty arthropathy due to enzyme defects and other inherited disorders, forearm	Bệnh khớp gút do thiếu men và các bệnh lý di truyền khác, cẳng tay	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.04*	M1404	Gouty arthropathy due to enzyme defects and other inherited disorders, hand	Bệnh khớp gút do thiếu men và các bệnh lý di truyền khác, bàn tay	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.05*	M1405	Gouty arthropathy due to enzyme defects and other inherited disorders, pelvic region and thigh	Bệnh khớp gút do thiếu men và các bệnh lý di truyền khác, vùng chậu và đùi	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.06*	M1406	Gouty arthropathy due to enzyme defects and other inherited disorders, lower leg	Bệnh khớp gút do thiếu men và các bệnh lý di truyền khác, cẳng chân	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.07*	M1407	Gouty arthropathy due to enzyme defects and other inherited disorders, ankle and foot	Bệnh khớp gút do thiếu men và các bệnh lý di truyền khác, cổ, bàn chân	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.08*	M1408	Gouty arthropathy due to enzyme defects and other inherited disorders, other	Bệnh khớp gút do thiếu men và các bệnh lý di truyền khác, vị trí khác	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.09*	M1409	Gouty arthropathy due to enzyme defects and other inherited disorders, Site unspecified	Bệnh khớp gút do thiếu men và các bệnh lý di truyền khác, vị trí không xác định	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.10*	M1410	Crystal arthropathy in other metabolic disorders, Multiple sites	Bệnh khớp do vi tinh thể sau các rối loạn chuyển hóa được xếp loại ở mục khác, Nhiều vị trí	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.11*	M1411	Crystal arthropathy in other metabolic disorders, Shoulder region	Bệnh khớp do vi tinh thể sau các rối loạn chuyển hóa được xếp loại ở mục khác, vùng bả vai	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.12*	M1412	Crystal arthropathy in other metabolic disorders, Upper arm	Bệnh khớp do vi tinh thể sau các rối loạn chuyển hóa được xếp loại ở mục khác, cánh tay	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.13*	M1413	Crystal arthropathy in other metabolic disorders, forearm	Bệnh khớp do vi tinh thể sau các rối loạn chuyển hóa được xếp loại ở mục khác, cẳng tay	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.14*	M1414	Crystal arthropathy in other metabolic disorders, hand	Bệnh khớp do vi tinh thể sau các rối loạn chuyển hóa được xếp loại ở mục khác, bàn tay	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.15*	M1415	Crystal arthropathy in other metabolic disorders, pelvic region and thigh	Bệnh khớp do vi tinh thể sau các rối loạn chuyển hóa được xếp loại ở mục khác, vùng chậu và đùi	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.16*	M1416	Crystal arthropathy in other metabolic disorders, lower leg	Bệnh khớp do vi tinh thể sau các rối loạn chuyển hóa được xếp loại ở mục khác, cẳng chân	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.17*	M1417	Crystal arthropathy in other metabolic disorders, ankle and foot	Bệnh khớp do vi tinh thể sau các rối loạn chuyển hóa được xếp loại ở mục khác, cổ, bàn chân	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.18*	M1418	Crystal arthropathy in other metabolic disorders, other	Bệnh khớp do vi tinh thể sau các rối loạn chuyển hóa được xếp loại ở mục khác, vị trí khác	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.19*	M1419	Crystal arthropathy in other metabolic disorders, Site unspecified	Bệnh khớp do vi tinh thể sau các rối loạn chuyển hóa được xếp loại ở mục khác, vị trí không xác định	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.20*	M1420	Diabetic arthropathy (E10-E14 with common fourth character .6+), Multiple sites	Bệnh khớp do đái tháo đường (E10-E14 với ký tự thứ tư chung .6+), Nhiều vị trí	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.21*	M1421	Diabetic arthropathy (E10-E14 with common fourth character .6+), Shoulder region	Bệnh khớp do đái tháo đường (E10-E14 với ký tự thứ tư chung .6+), vùng bả vai	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.22*	M1422	Diabetic arthropathy (E10-E14 with common fourth character .6+), Upper arm	Bệnh khớp do đái tháo đường (E10-E14 với ký tự thứ tư chung .6+), cánh tay	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.23*	M1423	Diabetic arthropathy (E10-E14 with common fourth character .6+), forearm	Bệnh khớp do đái tháo đường (E10-E14 với ký tự thứ tư chung .6+), cẳng tay	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.24*	M1424	Diabetic arthropathy (E10-E14 with common fourth character .6+), hand	Bệnh khớp do đái tháo đường (E10-E14 với ký tự thứ tư chung .6+), bàn tay	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.25*	M1425	Diabetic arthropathy (E10-E14 with common fourth character .6+), pelvic region and thigh	Bệnh khớp do đái tháo đường (E10-E14 với ký tự thứ tư chung .6+), vùng chậu và đùi	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.26*	M1426	Diabetic arthropathy (E10-E14 with common fourth character .6+), lower leg	Bệnh khớp do đái tháo đường (E10-E14 với ký tự thứ tư chung .6+), cẳng chân	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.27*	M1427	Diabetic arthropathy (E10-E14 with common fourth character .6+), ankle and foot	Bệnh khớp do đái tháo đường (E10-E14 với ký tự thứ tư chung .6+), cổ, bàn chân	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.28*	M1428	Diabetic arthropathy (E10-E14 with common fourth character .6+), other	Bệnh khớp do đái tháo đường (E10-E14 với ký tự thứ tư chung .6+), vị trí khác	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.29*	M1429	Diabetic arthropathy (E10-E14 with common fourth character .6+), Site unspecified	Bệnh khớp do đái tháo đường (E10-E14 với ký tự thứ tư chung .6+), vị trí không xác định	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.30*	M1430	Lipoid dermatoarthritis (E78.8+), Multiple sites	Viêm khớp và da nhiễm mỡ (E78.8+), Nhiều vị trí	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.31*	M1431	Lipoid dermatoarthritis (E78.8+), Shoulder region	Viêm khớp và da nhiễm mỡ (E78.8+), vùng bả vai	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.32*	M1432	Lipoid dermatoarthritis (E78.8+), Upper arm	Viêm khớp và da nhiễm mỡ (E78.8+), cánh tay	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.33*	M1433	Lipoid dermatoarthritis (E78.8+), forearm	Viêm khớp và da nhiễm mỡ (E78.8+), cẳng tay	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.34*	M1434	Lipoid dermatoarthritis (E78.8+), hand	Viêm khớp và da nhiễm mỡ (E78.8+), bàn tay	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.35*	M1435	Lipoid dermatoarthritis (E78.8+), pelvic region and thigh	Viêm khớp và da nhiễm mỡ (E78.8+), vùng chậu và đùi	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.36*	M1436	Lipoid dermatoarthritis (E78.8+), lower leg	Viêm khớp và da nhiễm mỡ (E78.8+), cẳng chân	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.37*	M1437	Lipoid dermatoarthritis (E78.8+), ankle and foot	Viêm khớp và da nhiễm mỡ (E78.8+), cổ, bàn chân	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.38*	M1438	Lipoid dermatoarthritis (E78.8+), other	Viêm khớp và da nhiễm mỡ (E78.8+), vị trí khác	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.39*	M1439	Lipoid dermatoarthritis (E78.8+), Site unspecified	Viêm khớp và da nhiễm mỡ (E78.8+), vị trí không xác định	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.40*	M1440	Arthropathy in amyloidosis (E85.-†), Multiple sites	Bệnh khớp nhiễm bột (E85.-†), Nhiều vị trí	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.41*	M1441	Arthropathy in amyloidosis (E85.-†), Shoulder region	Bệnh khớp nhiễm bột (E85.-†), vùng bả vai	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.42*	M1442	Arthropathy in amyloidosis (E85.-†), Upper arm	Bệnh khớp nhiễm bột (E85.-†), cánh tay	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.43*	M1443	Arthropathy in amyloidosis (E85.-†), forearm	Bệnh khớp nhiễm bột (E85.-†), cẳng tay	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.44*	M1444	Arthropathy in amyloidosis (E85.-†), hand	Bệnh khớp nhiễm bột (E85.-†), bàn tay	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.45*	M1445	Arthropathy in amyloidosis (E85.-†), pelvic region and thigh	Bệnh khớp nhiễm bột (E85.-†), vùng chậu và đùi	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.46*	M1446	Arthropathy in amyloidosis (E85.-†), lower leg	Bệnh khớp nhiễm bột (E85.-†), cẳng chân	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.47*	M1447	Arthropathy in amyloidosis (E85.-†), ankle and foot	Bệnh khớp nhiễm bột (E85.-†), cổ, bàn chân	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.48*	M1448	Arthropathies in amyloidosis (E85.-†), other	Bệnh khớp nhiễm bột (E85.-†), vị trí khác	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.49*	M1449	Arthropathies in amyloidosis (E85.-†), Site unspecified	Bệnh khớp nhiễm bột (E85.-†), vị trí không xác định	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.50*	M1450	Arthropathies in other endocrine, nutritional and metabolic disorders, Multiple sites	Bệnh khớp trong các bệnh nội tiết, dinh dưỡng và các bệnh chuyển hóa khác, Nhiều vị trí	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.51*	M1451	Arthropathies in other endocrine, nutritional and metabolic disorders, Shoulder region	Bệnh khớp trong các bệnh nội tiết, dinh dưỡng và các bệnh chuyển hóa khác, vùng bả vai	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.52*	M1452	Arthropathies in other endocrine, nutritional and metabolic disorders, Upper arm	Bệnh khớp trong các bệnh nội tiết, dinh dưỡng và các bệnh chuyển hóa khác, cánh tay	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.53*	M1453	Arthropathies in other endocrine, nutritional and metabolic disorders, forearm	Bệnh khớp trong các bệnh nội tiết, dinh dưỡng và các bệnh chuyển hóa khác, cẳng tay	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.54*	M1454	Arthropathies in other endocrine, nutritional and metabolic disorders, hand	Bệnh khớp trong các bệnh nội tiết, dinh dưỡng và các bệnh chuyển hóa khác, bàn tay	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.55*	M1455	Arthropathies in other endocrine, nutritional and metabolic disorders, pelvic region and thigh	Bệnh khớp trong các bệnh nội tiết, dinh dưỡng và các bệnh chuyển hóa khác, vùng chậu và đùi	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.56*	M1456	Arthropathies in other endocrine, nutritional and metabolic disorders, lower leg	Bệnh khớp trong các bệnh nội tiết, dinh dưỡng và các bệnh chuyển hóa khác, cẳng chân	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.57*	M1457	Arthropathies in other endocrine, nutritional and metabolic disorders, ankle and foot	Bệnh khớp trong các bệnh nội tiết, dinh dưỡng và các bệnh chuyển hóa khác, cổ, bàn chân	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.58*	M1458	Arthropathies in other endocrine, nutritional and metabolic disorders, other	Bệnh khớp trong các bệnh nội tiết, dinh dưỡng và các bệnh chuyển hóa khác, vị trí khác	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.59*	M1459	Arthropathies in other endocrine, nutritional and metabolic disorders, Site unspecified	Bệnh khớp trong các bệnh nội tiết, dinh dưỡng và các bệnh chuyển hóa khác, vị trí không xác định	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.60*	M1460	Neuropathic arthropathy, Multiple sites	Bệnh khớp do thần kinh, Nhiều vị trí	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.61*	M1461	Neuropathic arthropathy, Shoulder region	Bệnh khớp do thần kinh, vùng bả vai	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.62*	M1462	Neuropathic arthropathy, Upper arm	Bệnh khớp do thần kinh, cánh tay	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.63*	M1463	Neuropathic arthropathy, forearm	Bệnh khớp do thần kinh, cẳng tay	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.64*	M1464	Neuropathic arthropathy, hand	Bệnh khớp do thần kinh, bàn tay	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.65*	M1465	Neuropathic arthropathy, pelvic region and thigh	Bệnh khớp do thần kinh, vùng chậu và đùi	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.66*	M1466	Neuropathic arthropathy, lower leg	Bệnh khớp do thần kinh, cẳng chân	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.67*	M1467	Neuropathic arthropathy, ankle and foot	Bệnh khớp do thần kinh, cổ, bàn chân	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.68*	M1468	Neuropathic arthropathy, other	Bệnh khớp do thần kinh, vị trí khác	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.69*	M1469	Neuropathic arthropathy, Site unspecified	Bệnh khớp do thần kinh, vị trí không xác định	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.80*	M1480	Arthropathies in other specified diseases classified elsewhere, Multiple sites	Bệnh khớp trong các bệnh đặc hiệu khác đã được phân loại mục khác, Nhiều vị trí	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.81*	M1481	Arthropathies in other specified diseases classified elsewhere, Shoulder region	Bệnh khớp trong các bệnh đặc hiệu khác đã được phân loại mục khác, vùng bả vai	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.82*	M1482	Arthropathies in other specified diseases classified elsewhere, Upper arm	Bệnh khớp trong các bệnh đặc hiệu khác đã được phân loại mục khác, cánh tay	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.83*	M1483	Arthropathies in other specified diseases classified elsewhere, forearm	Bệnh khớp trong các bệnh đặc hiệu khác đã được phân loại mục khác, cẳng tay	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.84*	M1484	Arthropathies in other specified diseases classified elsewhere, hand	Bệnh khớp trong các bệnh đặc hiệu khác đã được phân loại mục khác, bàn tay	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.85*	M1485	Arthropathies in other specified diseases classified elsewhere, pelvic region and thigh	Bệnh khớp trong các bệnh khác đã được phân loại mục khác, vùng chậu và đùi	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.86*	M1486	Arthropathies in other specified diseases classified elsewhere, lower leg	Bệnh khớp trong các bệnh khác đã được phân loại mục khác, cẳng chân	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.87*	M1487	Arthropathies in other specified diseases classified elsewhere, ankle and foot	Bệnh khớp trong các bệnh khác đã được phân loại mục khác, cổ, bàn chân	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.88*	M1488	Arthropathies in other specified diseases classified elsewhere, other	Bệnh khớp trong các bệnh khác đã được phân loại mục khác, vị trí khác	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M00-M25	Arthropathies	Bệnh khớp	M05-M14	Inflammatory polyarthropathies	Viêm đa khớp	M14	Arthropathies in other diseases classified elsewhere	Bệnh khớp trong các bệnh không được xếp loại ở mục khác	M14.89*	M1489	Arthropathies in other specified diseases classified elsewhere, Site unspecified	Bệnh khớp trong các bệnh khác đã được phân loại mục khác, vị trí không xác định	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M31	Other necrotizing vasculopathies	Bệnh mạch máu hoại tử khác	M31.2	M312	Lethal midline granuloma	Bệnh u hạt ác tính dòng giữa	20/10/2020 11:38:34	Hủy do WHO không có mã này	Bỏ do WHO cập nhật mã tại tài liệu Official WHO Updates combined 1996 2015 VOLUME 1.pdf, tháng 10/2015, hiệu lực 1/2019	

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36	M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác		Hủy do WHO không có mã này		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.00*	M3600	Dermato(poly)myositis in neoplastic disease (C00-D48+), Multiple sites	Viêm da cơ và viêm đa cơ tự miễn trong các bệnh lý khối u (C00-D48+), Nhiều vị trí	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã kỹ tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.01*	M3601	Dermato(poly)myositis in neoplastic disease (C00-D48+), Shoulder region	Viêm da cơ và viêm đa cơ tự miễn trong các bệnh lý khối u (C00-D48+), vùng bả vai	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã kỹ tự thứ 5		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.02*	M3602	Dermato(poly)myositis in neoplastic disease (C00-D48+), Upper arm	Viêm da cơ và viêm đa cơ tự miễn trong các bệnh lý khối u (C00-D48+), cánh tay	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.03*	M3603	Dermato(poly)myositis in neoplastic disease (C00-D48+), forearm	Viêm da cơ và viêm đa cơ tự miễn trong các bệnh lý khối u (C00-D48+), cẳng tay	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.04*	M3604	Dermato(poly)myositis in neoplastic disease (C00-D48+), hand	Viêm da cơ và viêm đa cơ tự miễn trong các bệnh lý khối u (C00-D48+), bàn tay	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.05*	M3605	Dermato(poly)myositis in neoplastic disease (C00-D48+), pelvic region and thigh	Viêm da cơ và viêm đa cơ tự miễn trong các bệnh lý khối u (C00-D48+), vùng chậu và đùi	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.06*	M3606	Dermato(poly)myositis in neoplastic disease (C00-D48+), lower leg	Viêm da cơ và viêm đa cơ tự miễn trong các bệnh lý khối u (C00-D48+), cẳng chân	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.07*	M3607	Dermato(poly)myositis in neoplastic disease (C00-D48+), ankle and foot	Viêm da cơ và viêm đa cơ tự miễn trong các bệnh lý khối u (C00-D48+), cổ, bàn chân	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.08*	M3608	Dermato(poly)myositis in neoplastic disease (C00-D48+), other	Viêm da cơ và viêm đa cơ tự miễn trong các bệnh lý khối u (C00-D48+), vị trí khác	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.09*	M3609	Dermato(poly)myositis in neoplastic disease (C00-D48+), Site unspecified	Viêm da cơ và viêm đa cơ tự miễn trong các bệnh lý khối u (C00-D48+), vị trí không xác định	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.10*	M3610	Arthropathy in neoplastic disease (C00-D48+), Multiple sites	Bệnh khớp trong các bệnh ung thư đã được xếp ở mục khác (C00-D48+), Nhiều vị trí	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.11*	M3611	Arthropathy in neoplastic disease (C00-D48+), Shoulder region	Bệnh khớp trong các bệnh ung thư đã được xếp ở mục khác (C00-D48+), vùng bả vai	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.12*	M3612	Arthropathy in neoplastic disease (C00-D48+), Upper arm	Bệnh khớp trong các bệnh ung thư đã được xếp ở mục khác (C00-D48+), cánh tay	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.13*	M3613	Arthropathy in neoplastic disease (C00-D48+), forearm	Bệnh khớp trong các bệnh ung thư đã được xếp ở mục khác (C00-D48+), cẳng tay	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.14*	M3614	Arthropathy in neoplastic disease (C00-D48+), hand	Bệnh khớp trong các bệnh ung thư đã được xếp ở mục khác (C00-D48+), bàn tay	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.15*	M3615	Arthropathy in neoplastic disease (C00-D48+), pelvic region and thigh	Bệnh khớp trong các bệnh ung thư đã được xếp ở mục khác (C00-D48+), vùng chậu và đùi	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.16*	M3616	Arthropathy in neoplastic disease (C00-D48+), lower leg	Bệnh khớp trong các bệnh ung thư đã được xếp ở mục khác (C00-D48+), cẳng chân	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.17*	M3617	Arthropathy in neoplastic disease (C00-D48+), ankle and foot	Bệnh khớp trong các bệnh ung thư đã được xếp ở mục khác (C00-D48+), cổ, bàn chân	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.18*	M3618	Arthropathy in neoplastic disease (C00-D48+), other	Bệnh khớp trong các bệnh ung thư đã được xếp ở mục khác (C00-D48+), vị trí khác	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.19*	M3619	Arthropathy in neoplastic disease (C00-D48+), Site unspecified	Bệnh khớp trong các bệnh ung thư đã được xếp ở mục khác (C00-D48+), vị trí không xác định	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.20*	M3620	Haemophilic arthropathy (D66-D68+), Multiple sites	Tổn thương khớp trong bệnh ưa chảy máu (D66-D68+), Nhiều vị trí	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.21*	M3621	Haemophilic arthropathy (D66-D68+), Shoulder region	Tổn thương khớp trong bệnh ưa chảy máu (D66-D68+), vùng bả vai	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.22*	M3622	Haemophilic arthropathy (D66-D68+), Upper arm	Tổn thương khớp trong bệnh ưa chảy máu (D66-D68+), cánh tay	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.23*	M3623	Haemophilic arthropathy (D66-D68+), forearm	Tổn thương khớp trong bệnh ưa chảy máu (D66-D68+), cẳng tay	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.24*	M3624	Haemophilic arthropathy (D66-D68+), hand	Tổn thương khớp trong bệnh ưa chảy máu (D66-D68+), bàn tay	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.25*	M3625	Haemophilic arthropathy (D66-D68+), pelvic region and thigh	Tổn thương khớp trong bệnh ưa chảy máu (D66-D68+), vùng chậu và đùi	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.26*	M3626	Haemophilic arthropathy (D66-D68+), lower leg	Tổn thương khớp trong bệnh ưa chảy máu (D66-D68+), cẳng chân	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.27*	M3627	Haemophilic arthropathy (D66-D68+), ankle and foot	Tổn thương khớp trong bệnh ưa chảy máu (D66-D68+), cổ, bàn chân	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.28*	M3628	Haemophilic arthropathy (D66-D68+), other	Tổn thương khớp trong bệnh ưa chảy máu (D66-D68+), vị trí khác	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.29*	M3629	Haemophilic arthropathy (D66-D68+), Site unspecified	Tổn thương khớp trong bệnh ưa chảy máu (D66-D68+), vị trí không xác định	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.30*	M3630	Arthropathy in other blood disorders (D50-D76+), Multiple sites	Bệnh khớp trong các bệnh về máu khác (D50-D76+), Nhiều vị trí	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.31*	M3631	Arthropathy in other blood disorders (D50-D76+), Shoulder region	Bệnh khớp trong các bệnh về máu khác (D50-D76+), vùng bả vai	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.32 *	M3632	Arthropathy in other blood disorders (D50-D76+), Upper arm	Bệnh khớp trong các bệnh về máu khác (D50-D76+), cánh tay	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.33 *	M3633	Arthropathy in other blood disorders (D50-D76+), forearm	Bệnh khớp trong các bệnh về máu khác (D50-D76+), cẳng tay	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.34 *	M3634	Arthropathy in other blood disorders (D50-D76+), hand	Bệnh khớp trong các bệnh về máu khác (D50-D76+), bàn tay	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.35*	M3635	Arthropathy in other blood disorders (D50-D76+), pelvic region and thigh	Bệnh khớp trong các bệnh về máu khác (D50-D76+), vùng chậu và đùi	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.36*	M3636	Arthropathy in other blood disorders (D50-D76+), lower leg	Bệnh khớp trong các bệnh về máu khác (D50-D76+), cẳng chân	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.37*	M3637	Arthropathy in other blood disorders (D50-D76+), ankle and foot	Bệnh khớp trong các bệnh về máu khác (D50-D76+), cổ, bàn chân	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.38*	M3638	Arthropathy in other blood disorders (D50-D76+), other	Bệnh khớp trong các bệnh về máu khác (D50-D76+), vị trí khác	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.39*	M3639	Arthropathy in other blood disorders (D50-D76+), Site unspecified	Bệnh khớp trong các bệnh về máu khác (D50-D76+), vị trí không xác định	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.40*	M3640	Arthropathy in hypersensitivity reactions classified elsewhere, Multiple sites	Bệnh khớp trong phản ứng quá mẫn đã được xếp loại ở mục khác, Nhiều vị trí	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.41*	M3641	Arthropathy in hypersensitivity reactions classified elsewhere, Shoulder region	Bệnh khớp trong phản ứng quá mẫn đã được xếp loại ở mục khác, vùng bả vai	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.42*	M3642	Arthropathy in hypersensitivity reactions classified elsewhere, Upper arm	Bệnh khớp trong phản ứng quá mẫn đã được xếp loại ở mục khác, cánh tay	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.43*	M3643	Arthropathy in hypersensitivity reactions classified elsewhere, forearm	Bệnh khớp trong phản ứng quá mẫn đã được xếp loại ở mục khác, cẳng tay	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.44 *	M3644	Arthropathy in hypersensitivity reactions classified elsewhere, hand	Bệnh khớp trong phản ứng quá mẫn đã được xếp loại ở mục khác, bàn tay	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.45 *	M3645	Arthropathy in hypersensitivity reactions classified elsewhere, pelvic region and thigh	Bệnh khớp trong phản ứng quá mẫn đã được xếp loại ở mục khác, vùng chậu và đùi	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.46 *	M3646	Arthropathy in hypersensitivity reactions classified elsewhere, lower leg	Bệnh khớp trong phản ứng quá mẫn đã được xếp loại ở mục khác, cẳng chân	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.47*	M3647	Arthropathy in hypersensitivity reactions classified elsewhere, ankle and foot	Bệnh khớp trong phản ứng quá mẫn đã được xếp loại ở mục khác, cổ, bàn chân	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.48*	M3648	Arthropathy in hypersensitivity reactions classified elsewhere, other	Bệnh khớp trong phản ứng quá mẫn đã được xếp loại ở mục khác, vị trí khác	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.49*	M3649	Arthropathy in hypersensitivity reactions classified elsewhere, Site unspecified	Bệnh khớp trong phản ứng quá mẫn đã được xếp loại ở mục khác, vị trí không xác định	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.80*	M3680	Systemic disorders of connective tissue in other diseases classified elsewhere, Multiple sites	Tổn thương hệ thống mô liên kết trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác, Nhiều vị trí	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.81*	M3681	Systemic disorders of connective tissue in other diseases classified elsewhere, Shoulder region	Tổn thương hệ thống mô liên kết trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác, vùng bả vai	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.82 *	M3682	Systemic disorders of connective tissue in other diseases classified elsewhere, Upper arm	Tổn thương hệ thống mô liên kết trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác, cánh tay	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.83 *	M3683	Systemic disorders of connective tissue in other diseases classified elsewhere, forearm	Tổn thương hệ thống mô liên kết trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác, cẳng tay	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.84 *	M3684	Systemic disorders of connective tissue in other diseases classified elsewhere, hand	Tổn thương hệ thống mô liên kết trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác, bàn tay	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.85*	M3685	Systemic disorders of connective tissue in other diseases classified elsewhere, pelvic region and thigh	Tổn thương hệ thống mô liên kết trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác, vùng chậu và đùi	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.86*	M3686	Systemic disorders of connective tissue in other diseases classified elsewhere, lower leg	Tổn thương hệ thống mô liên kết trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác, cẳng chân	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.87*	M3687	Systemic disorders of connective tissue in other diseases classified elsewhere, ankle and foot	Tổn thương hệ thống mô liên kết trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác, cổ, bàn chân	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.88*	M3688	Systemic disorders of connective tissue in other diseases classified elsewhere, other	Tổn thương hệ thống mô liên kết trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác, vị trí khác	20/10/2020 11:38:34	<b>Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5</b>		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M30-M36	Systemic connective tissue disorders	Bệnh mô liên kết hệ thống				M36	Systemic disorders of connective tissue in diseases classified elsewhere	Tổn thương mô liên kết hệ thống trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác	M36.89*	M3689	Systemic disorders of connective tissue in other diseases classified elsewhere, Site unspecified	Tổn thương hệ thống mô liên kết trong các bệnh đã được xếp loại ở mục khác, vị trí không xác định	20/10/2020 11:38:34	Hủy do không áp dụng nguyên tắc mã ký tự thứ 5		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M40-M54	Dorsopathies	Bệnh cột sống	M45-M49	Spondylopathies	Bệnh lý cột sống	M49	Spondylopathies in diseases classified elsewhere	Tổn thương cột sống trong các bệnh đã xếp loại mục khác	M49	M49	Spondylopathies in diseases classified elsewhere	Tổn thương cột sống trong các bệnh đã xếp loại mục khác		Hủy do WHO không có mã này		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M60-M79	Soft tissue disorders	Các bệnh lý mô mềm	M60-M63	Disorders of muscles	Các bệnh cơ	M63	Disorders of muscle in diseases classified elsewhere	Bệnh cơ trong những bệnh được xếp loại ở mục khác	M63	M63	Disorders of muscle in diseases classified elsewhere	Bệnh cơ trong những bệnh được xếp loại ở mục khác		Hủy do WHO không có mã này		

###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M60-M79	Soft tissue disorders	Các bệnh lý mô mềm	M65-M68	Disorders of synovium and tendon	Bệnh của màng hoạt dịch và gân	M68	Disorders of synovium and tendon in diseases classified elsewhere	Các bệnh của màng hoạt dịch và gân trong những bệnh được xếp loại ở mục khác	M68	M68	Disorders of synovium and tendon in diseases classified elsewhere	Các bệnh của màng hoạt dịch và gân trong những bệnh được xếp loại ở mục khác		Hủy do WHO không có mã này		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M60-M79	Soft tissue disorders	Các bệnh lý mô mềm	M70-M79	Other soft tissue disorders	Những bệnh khác của mô mềm	M73	Soft tissue disorders in diseases classified elsewhere	Các bệnh mô mềm trong những bệnh được xếp loại ở mục khác	M73	M73	Soft tissue disorders in diseases classified elsewhere	Các bệnh mô mềm trong những bệnh được xếp loại ở mục khác		Hủy do WHO không có mã này		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M80-M94	Osteopathies and chondropathies	Bệnh của xương và sụn	M80-M85	Disorders of bone density and structure	Rối loạn về tỉ trọng (mật độ) và cấu trúc xương	M82	Osteoporosis in diseases classified elsewhere	Loãng xương trong các bệnh đã xếp loại ở mục khác	M82	M82	Osteoporosis in diseases classified elsewhere	Loãng xương trong các bệnh đã xếp loại ở mục khác		Hủy do WHO không có mã này		
###	XIII	M00-M99	Diseases of the musculoskeletal system and connective tissue	Bệnh hệ cơ, xương khớp và mô liên kết	M80-M94	Osteopathies and chondropathies	Bệnh của xương và sụn	M86-M90	Other osteopathies	Bệnh khác của xương	M90	Osteopathies in diseases classified elsewhere	Bệnh xương trong các bệnh đã xếp loại mục khác	M90	M90	Osteopathies in diseases classified elsewhere	Bệnh xương trong các bệnh đã xếp loại mục khác		Hủy do WHO không có mã này		

###	XIV	N00-N99	Diseases of the genitourinary system	Bệnh hệ sinh dục, tiết niệu	N00-N08	Glomerular diseases	Bệnh cầu thận				N08	Glomerular disorders in diseases classified elsewhere	Biến đổi cầu thận trong các bệnh đã được phân loại ở phần khác	N08	N08	Glomerular disorders in diseases classified elsewhere	Biến đổi cầu thận trong các bệnh đã được phân loại ở phần khác		Hủy do WHO không có mã này		
###	XIV	N00-N99	Diseases of the genitourinary system	Bệnh hệ sinh dục, tiết niệu	N10-N16	Renal tubulo-interstitial diseases	Bệnh kẽ ống thận				N16	Renal tubulo-interstitial disorders in diseases classified elsewhere	Biến đổi kẽ ống thận trong các bệnh đã được phân loại ở phần khác	N16	N16	Renal tubulo-interstitial disorders in diseases classified elsewhere	Biến đổi kẽ ống thận trong các bệnh đã được phân loại ở phần khác		Hủy do WHO không có mã này		
###	XIV	N00-N99	Diseases of the genitourinary system	Bệnh hệ sinh dục, tiết niệu	N17-N19	Renal failure	Suy thận				N18	Chronic renal failure	Suy thận mãn tính	N18.8	N188	Other chronic renal failure	Suy thận mạn khác	20/10/2020 11:38:34	Hủy do WHO không có mã này		official-who-updates-combined-1996-2012-volume-1.pdf Ngày chấp thuận 10/2008, ngày hiệu lực 01/2010

###	XIV	N00-N99	Diseases of the genitourinary system	Bệnh hệ sinh dục, tiết niệu	N20-N23	Urolithiasis	Sỏi tiết niệu				N22	Calculus of urinary tract in diseases classified elsewhere	Sỏi đường tiết niệu trong các bệnh đã được phân loại ở phần khác	N22	N22	Calculus of urinary tract in diseases classified elsewhere	Sỏi đường tiết niệu trong các bệnh đã được phân loại ở phần khác		Hủy do WHO không có mã này		
###	XIV	N00-N99	Diseases of the genitourinary system	Bệnh hệ sinh dục, tiết niệu	N25-N29	Other disorders of kidney and ureter	Các rối loạn khác của thận và niệu quản				N29	Other disorders of kidney and ureter in diseases classified elsewhere	Các biến đổi khác của thận và niệu quản trong các bệnh đã được phân loại ở phần khác	N29	N29	Other disorders of kidney and ureter in diseases classified elsewhere	Các biến đổi khác của thận và niệu quản trong các bệnh đã được phân loại ở phần khác		Hủy do WHO không có mã này		
###	XIV	N00-N99	Diseases of the genitourinary system	Bệnh hệ sinh dục, tiết niệu	N30-N39	Other diseases of urinary system	Các bệnh khác của hệ tiết niệu				N33	Bladder disorders in diseases classified elsewhere	Rối loạn bàng quang trong bệnh đã được phân loại ở phần khác	N33	N33	Bladder disorders in diseases classified elsewhere	Rối loạn bàng quang trong bệnh đã được phân loại ở phần khác		Hủy do WHO không có mã này	Hủy do mã bệnh của WHO là mã bệnh dấu *	

###	XIV	N00-N99	Diseases of the genitourinary system	Bệnh hệ sinh dục, tiết niệu	N30-N39	Other diseases of urinary system	Các bệnh khác của hệ tiết niệu				N33	Bladder disorders in diseases classified elsewhere	Rối loạn bàng quang trong bệnh đã được phân loại ở phần khác	N33.0	N330	Tuberculosis cystitis (A18.1†)	Lao bàng quang (A18.1†)	20/10/2020 11:38:34	Hủy do WHO không có mã này	Hủy do mã bệnh của WHO là mã bệnh dấu *	
###	XIV	N00-N99	Diseases of the genitourinary system	Bệnh hệ sinh dục, tiết niệu	N30-N39	Other diseases of urinary system	Các bệnh khác của hệ tiết niệu				N33	Bladder disorders in diseases classified elsewhere	Rối loạn bàng quang trong bệnh đã được phân loại ở phần khác	N33.8	N338	Bladder disorders in other diseases classified elsewhere	Rối loạn bàng quang trong các bệnh khác phân loại nơi khác	20/10/2020 11:38:34	Hủy do WHO không có mã này	Hủy do mã bệnh của WHO là mã bệnh dấu *	
###	XIV	N00-N99	Diseases of the genitourinary system	Bệnh hệ sinh dục, tiết niệu	N30-N39	Other diseases of urinary system	Các bệnh khác của hệ tiết niệu				N37	Urethral disorders in diseases classified elsewhere	Biến đổi niệu đạo trong các bệnh đã được phân loại ở phần khác	N37	N37	Urethral disorders in diseases classified elsewhere	Biến đổi niệu đạo trong các bệnh đã được phân loại ở phần khác		<b>Hủy do WHO không có mã này</b>		

###	XIV	N00-N99	Diseases of the genitourinary system	Bệnh hệ sinh dục, tiết niệu	N40-N51	Diseases of male genital organs	Bệnh cơ quan sinh dục nam				N51	Disorders of male genital organs in diseases classified elsewhere	Biến đổi cơ quan sinh dục nam trong các bệnh đã được phân loại ở phần khác	N51	N51	Disorders of male genital organs in diseases classified elsewhere	Biến đổi cơ quan sinh dục nam trong các bệnh đã được phân loại ở phần khác		Hủy do WHO không có mã này		
###	XIV	N00-N99	Diseases of the genitourinary system	Bệnh hệ sinh dục, tiết niệu	N70-N77	Inflammatory diseases of female pelvic organs	Viêm cơ quan sinh dục vùng chậu nữ				N74	Female pelvic inflammatory disorders in diseases classified elsewhere	Viêm vùng chậu nữ trong các bệnh đã được phân loại ở phần khác	N74	N74	Female pelvic inflammatory disorders in diseases classified elsewhere	Viêm vùng chậu nữ trong các bệnh đã được phân loại ở phần khác		Hủy do WHO không có mã này		
###	XIV	N00-N99	Diseases of the genitourinary system	Bệnh hệ sinh dục, tiết niệu	N70-N77	Inflammatory diseases of female pelvic organs	Viêm cơ quan sinh dục vùng chậu nữ				N77	Vulvovaginal ulceration and inflammation in diseases classified elsewhere	Viêm và loét âm đạo, âm hộ trong bệnh đã được phân loại ở phần khác	N77	N77	Vulvovaginal ulceration and inflammation in diseases classified elsewhere	Viêm và loét âm đạo, âm hộ trong bệnh đã được phân loại ở phần khác		Hủy do WHO không có mã này		

###	XVI	P00-P96	Certain conditions originating in the perinatal period	Một số bệnh lý khởi phát trong thời kỳ chu sinh	P75-P78	Digestive system disorders of fetus and newborn	Các rối loạn của hệ thống tiêu hóa ở thai và trẻ sơ sinh				P75	Meconium ileus in cystic fibrosis	Tắc ruột phân xu trong bệnh xơ nang	P75	P75	Meconium ileus in cystic fibrosis	Tắc ruột phân xu trong bệnh xơ nang		Hủy do WHO không có mã này		
###	XIX	S00-T98	Injury, poisoning and certain other consequences of external causes	Vết thương, ngộ độc và hậu quả của một số nguyên nhân từ bên ngoài	S90-S99	Injuries to the ankle and foot	Tổn thương tại cổ chân và bàn chân				S91	Open wound of ankle and foot	Vết thương hở tại cổ chân và bàn chân	S91.70	S9170	Multiple open wounds of ankle and foot	Đa vết thương hở ở cẳng chân và bàn chân, gãy kín	20/10/2020 11:38:34	Hủy do WHO không có mã này		
###	XIX	S00-T98	Injury, poisoning and certain other consequences of external causes	Vết thương, ngộ độc và hậu quả của một số nguyên nhân từ bên ngoài	S90-S99	Injuries to the ankle and foot	Tổn thương tại cổ chân và bàn chân				S91	Open wound of ankle and foot	Vết thương hở tại cổ chân và bàn chân	S91.71	S9171	Multiple open wounds of ankle and foot	Đa vết thương hở ở cẳng chân và bàn chân, gãy hở	20/10/2020 11:38:34	Hủy do WHO không có mã này		
###	XXI	Z00-Z99	Factors influencing health status and contact with health services	Các yếu tố liên quan đến tình trạng sức khỏe và tìm kiếm dịch vụ y tế	Z20-Z29	Persons with potential health hazards related to communicable diseases	Những người có nguy cơ tiềm tàng về sức khỏe liên quan đến các bệnh lây truyền				Z22	Carrier of infectious disease	Mang mầm bệnh nhiễm khuẩn	Z22.5	Z225	Carrier of viral hepatitis	Mang virus viêm gan	20/10/2020 11:38:34	Hủy do WHO không có mã này		WHO bỏ từ năm 2014 theo tài liệu icd10updates2014volume1.pdf được ban hành tháng 10/2014, hiệu lực từ 1/2016

###	XXII	U00-U99	Codes for special purposes	Mã phục vụ những mục đích đặc biệt	U00-U49	Bacterial agents resistant to antibiotics	Mã tạm thời cho một số bệnh mới hoặc chưa rõ bệnh nguyên hoặc sử dụng trong cấp cứu				U06	Emergency use of U06	Sử dụng mã U06 trong trường cấp cứu	U06	U06	Emergency use of U06	Sử dụng mã U06 trong trường cấp cứu		Hủy do WHO không có mã này		
###	XXII	U00-U99	Codes for special purposes	Mã phục vụ những mục đích đặc biệt	U00-U49	Bacterial agents resistant to antibiotics	Mã tạm thời cho một số bệnh mới hoặc chưa rõ bệnh nguyên hoặc sử dụng trong cấp cứu				U06	Emergency use of U06	Sử dụng mã U06 trong trường cấp cứu	U06.0	U060	Emergency use of U06.0	Sử dụng mã U06.0 trong trường cấp cứu	20/10/2020 11:38:34	Hủy do WHO không có mã này		
###	XXII	U00-U99	Codes for special purposes	Mã phục vụ những mục đích đặc biệt	U00-U49	Bacterial agents resistant to antibiotics	Mã tạm thời cho một số bệnh mới hoặc chưa rõ bệnh nguyên hoặc sử dụng trong cấp cứu				U06	Emergency use of U06	Sử dụng mã U06 trong trường cấp cứu	U06.1	U061	Emergency use of U06.1	Sử dụng mã U06.1 trong trường cấp cứu	20/10/2020 11:38:34	Hủy do WHO không có mã này		

###	XXII	U00-U99	Codes for special purposes	Mã phục vụ những mục đích đặc biệt	U00-U49	Bacterial agents resistant to antibiotics	Mã tạm thời cho một số bệnh mới hoặc chưa rõ bệnh nguyên hoặc sử dụng trong cấp cứu				U06	Emergency use of U06	Sử dụng mã U06 trong trường cấp cứu	U06.2	U062	Emergency use of U06.2	Sử dụng mã U06.2 trong cấp cứu	20/10/2020 11:38:34	Hủy do WHO không có mã này		
###	XXII	U00-U99	Codes for special purposes	Mã phục vụ những mục đích đặc biệt	U00-U49	Bacterial agents resistant to antibiotics	Mã tạm thời cho một số bệnh mới hoặc chưa rõ bệnh nguyên hoặc sử dụng trong cấp cứu				U06	Emergency use of U06	Sử dụng mã U06 trong trường cấp cứu	U06.3	U063	Emergency use of U06.3	Sử dụng mã U06.3 trong cấp cứu	20/10/2020 11:38:34	Hủy do WHO không có mã này		
###	XXII	U00-U99	Codes for special purposes	Mã phục vụ những mục đích đặc biệt	U00-U49	Bacterial agents resistant to antibiotics	Mã tạm thời cho một số bệnh mới hoặc chưa rõ bệnh nguyên hoặc sử dụng trong cấp cứu				U06	Emergency use of U06	Sử dụng mã U06 trong trường cấp cứu	U06.4	U064	Emergency use of U06.4	Sử dụng mã U06.4 trong cấp cứu	20/10/2020 11:38:34	Hủy do WHO không có mã này		

###	XXII	U00-U99	Codes for special purposes	Mã phục vụ những mục đích đặc biệt	U00-U49	Bacterial agents resistant to antibiotics	Mã tạm thời cho một số bệnh mới hoặc chưa rõ bệnh nguyên hoặc sử dụng trong cấp cứu				U06	Emergency use of U06	Sử dụng mã U06 trong trường cấp cứu	U06.5	U065	Emergency use of U06.5	Sử dụng mã U06.5 trong cấp cứu	20/10/2020 11:38:34	Hủy do WHO không có mã này		
###	XXII	U00-U99	Codes for special purposes	Mã phục vụ những mục đích đặc biệt	U00-U49	Bacterial agents resistant to antibiotics	Mã tạm thời cho một số bệnh mới hoặc chưa rõ bệnh nguyên hoặc sử dụng trong cấp cứu				U06	Emergency use of U06	Sử dụng mã U06 trong trường cấp cứu	U06.6	U066	Emergency use of U06.6	Sử dụng mã U06.6 trong cấp cứu	20/10/2020 11:38:34	Hủy do WHO không có mã này		
###	XXII	U00-U99	Codes for special purposes	Mã phục vụ những mục đích đặc biệt	U00-U49	Bacterial agents resistant to antibiotics	Mã tạm thời cho một số bệnh mới hoặc chưa rõ bệnh nguyên hoặc sử dụng trong cấp cứu				U06	Emergency use of U06	Sử dụng mã U06 trong trường cấp cứu	U06.7	U067	Emergency use of U06.7	Sử dụng mã U06.7 trong cấp cứu	20/10/2020 11:38:34	Hủy do WHO không có mã này		

###	XXII	U00-U99	Codes for special purposes	Mã phục vụ những mục đích đặc biệt	U00-U49	Bacterial agents resistant to antibiotics	Mã tạm thời cho một số bệnh mới hoặc chưa rõ bệnh nguyên hoặc sử dụng trong cấp cứu				U06	Emergency use of U06	Sử dụng mã U06 trong trường cấp cứu	U06.8	U068	Emergency use of U06.8	Sử dụng mã U06.8 trong cấp cứu	20/10/2020 11:38:34	Hủy do WHO không có mã này		
###	XXII	U00-U99	Codes for special purposes	Mã phục vụ những mục đích đặc biệt	U00-U49	Bacterial agents resistant to antibiotics	Mã tạm thời cho một số bệnh mới hoặc chưa rõ bệnh nguyên hoặc sử dụng trong cấp cứu				U06	Emergency use of U06	Sử dụng mã U06 trong trường cấp cứu	U06.9	U069	Emergency use of U06.9	Sử dụng mã U06.9 trong cấp cứu	20/10/2020 11:38:34	Hủy do WHO không có mã này		
###	XXII	U00-U99	Codes for special purposes	Mã phục vụ những mục đích đặc biệt	U00-U49	Bacterial agents resistant to antibiotics	Mã tạm thời cho một số bệnh mới hoặc chưa rõ bệnh nguyên hoặc sử dụng trong cấp cứu				U07	Emergency use of U07	Sử dụng mã U07 trong cấp cứu	U07.3	U073	Emergency use of U07.3	Sử dụng mã U07.3 trong cấp cứu	20/10/2020 11:38:34	Hủy do WHO không có mã này		

###	XXII	U00-U99	Codes for special purposes	Mã phục vụ những mục đích đặc biệt	U00-U49	Bacterial agents resistant to antibiotics	Mã tạm thời cho một số bệnh mới hoặc chưa rõ bệnh nguyên hoặc sử dụng trong cấp cứu				U07	Emergency use of U07	Sử dụng mã U07 trong cấp cứu	U07.4	U074	Emergency use of U07.4	Sử dụng mã U07.4 trong cấp cứu	20/10/2020 11:38:34	Hủy do WHO không có mã này		
###	XXII	U00-U99	Codes for special purposes	Mã phục vụ những mục đích đặc biệt	U00-U49	Bacterial agents resistant to antibiotics	Mã tạm thời cho một số bệnh mới hoặc chưa rõ bệnh nguyên hoặc sử dụng trong cấp cứu				U07	Emergency use of U07	Sử dụng mã U07 trong cấp cứu	U07.5	U075	Emergency use of U07.5	Sử dụng mã U07.5 trong cấp cứu	20/10/2020 11:38:34	Hủy do WHO không có mã này		
###	XXII	U00-U99	Codes for special purposes	Mã phục vụ những mục đích đặc biệt	U00-U49	Bacterial agents resistant to antibiotics	Mã tạm thời cho một số bệnh mới hoặc chưa rõ bệnh nguyên hoặc sử dụng trong cấp cứu				U07	Emergency use of U07	Sử dụng mã U07 trong cấp cứu	U07.6	U076	Emergency use of U07.6	Sử dụng mã U07.6 trong cấp cứu	20/10/2020 11:38:34	Hủy do WHO không có mã này		

###	XXII	U00-U99	Codes for special purposes	Mã phục vụ những mục đích đặc biệt	U00-U49	Bacterial agents resistant to antibiotics	Mã tạm thời cho một số bệnh mới hoặc chưa rõ bệnh nguyên hoặc sử dụng trong cấp cứu				U07	Emergency use of U07	Sử dụng mã U07 trong cấp cứu	U07.7	U077	Emergency use of U07.7	Sử dụng mã U07.7 trong cấp cứu	20/10/2020 11:38:34	Hủy do WHO không có mã này		
###	XXII	U00-U99	Codes for special purposes	Mã phục vụ những mục đích đặc biệt	U00-U49	Bacterial agents resistant to antibiotics	Mã tạm thời cho một số bệnh mới hoặc chưa rõ bệnh nguyên hoặc sử dụng trong cấp cứu				U07	Emergency use of U07	Sử dụng mã U07 trong cấp cứu	U07.8	U078	Emergency use of U07.8	Sử dụng mã U07.8 trong cấp cứu	20/10/2020 11:38:34	Hủy do WHO không có mã này		
###	XXII	U00-U99	Codes for special purposes	Mã phục vụ những mục đích đặc biệt	U00-U49	Bacterial agents resistant to antibiotics	Mã tạm thời cho một số bệnh mới hoặc chưa rõ bệnh nguyên hoặc sử dụng trong cấp cứu				U07	Emergency use of U07	Sử dụng mã U07 trong cấp cứu	U07.9	U079	Emergency use of U07.9	Sử dụng mã U07.9 trong cấp cứu	20/10/2020 11:38:34	Hủy do WHO không có mã này		